

**MỤC LỤC**

<b>ĐẶT VẤN ĐỀ</b> .....	1
1. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái. ....	1
2. Phạm vi nghiên cứu lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái.....	2
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024:.....	2
<b>I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI</b> .....	5
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên. ....	5
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	18
<b>II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023</b> .....	29
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023: .....	29
2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 .....	33
2.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	41
2.1.3. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 .....	43
2.1.4. Đánh giá kết quả thực hiện việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích: .....	45
2.2. Đánh giá những nguyên nhân và tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023..	46
<b>III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024</b> .....	47
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	47
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực: .....	51
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất:.....	52
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân .....	60
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất .....	68
3.3.1. Nhóm đất nông nghiệp:.....	68
3.3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp:.....	71
3.3.3. Đất chưa sử dụng .....	85
3.3.4. Tổng hợp các khu chức năng .....	86
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích .....	87
3.4.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: .....	87
3.4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:.....	88
3.4.3. Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở .....	88
3.5. Diện tích đất cần thu hồi .....	88
3.5.1. Đất nông nghiệp.....	89
3.5.2. Đất phi nông nghiệp.....	89
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: .....	91
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch năm 2024: .....	93
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2024 .....	93
<b>IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT</b> .....	95
I. KẾT LUẬN .....	100
II. KIẾN NGHỊ.....	100
<b>HỆ THỐNG BẢNG BIỂU</b> .....	

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài sản đặc biệt quan trọng, là tài nguyên vô cùng quý giá, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế- xã hội mà quỹ đất đai có giới hạn. Ngày nay khi xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đất đai trở nên khan hiếm và sẽ không tránh khỏi những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình sử dụng cho các mục đích khác nhau, nhất là trong điều kiện một nước đang phát triển từ nền nông nghiệp, với tốc độ tăng dân số nhanh, nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt, bên cạnh đó là vấn đề thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành nghề làm cho quỹ đất ngày càng biến đổi phức tạp, việc khai thác và sử dụng đất cũng ngày càng tăng gây áp lực rất lớn cho đất đai. Vì thế chúng ta cần có những biện pháp khai thác, sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, khoa học nhằm duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên vô cùng quý giá này luôn ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội nhưng vẫn bền vững và đạt hiệu quả cao.

Do đó lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là việc không thể thiếu được trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Là yếu tố quan trọng trong quá trình hình thành các quyết định nhằm thực hiện đồng bộ hai chức năng đó là: Điều chỉnh các mối quan hệ đất đai và tổ chức sử dụng đất bền vững, hiệu quả, dựa trên 3 trụ cột; An ninh chính trị, kinh tế - xã hội và môi trường.

Để đáp ứng yêu cầu về quản lý, sử dụng đất cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố trong giai đoạn mới phù hợp với nội dung đổi mới của Luật Đất đai năm 2013, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn 2040 đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái tiến hành xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 góp phần khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên đất đạt hiệu quả cao và bền vững.

### 1. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái.

Làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Căn cứ pháp lý quan trọng để thành phố Móng Cái tiến hành giao đất cho thuê đất và hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, các

kế hoạch hợp tác và đầu tư.

Thực hiện đầu tư triển khai các dự án, công trình, thúc đẩy sự phát triển của các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, văn hoá, y tế, giáo dục... đảm bảo an ninh, quốc phòng; khai thác nguồn vốn và điều tiết các lợi ích từ đất; khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giải quyết nhu cầu về nhà ở đất ở đảm bảo đời sống nhân dân, ổn định kinh tế, an sinh xã hội.

## **2. Phạm vi nghiên cứu lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái.**

Toàn bộ diện tích đất tự nhiên trên địa bàn thành phố Móng Cái theo địa giới hành chính 513 đã được chính phủ phê duyệt, phân bổ cho các mục đích sử dụng đất tới các đơn vị hành chính cấp xã.

## **3. Căn cứ pháp lý và cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024:**

### **3.1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất:**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/ 5/ 2014 Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/3/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/1/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2040;
- Quyết định 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/2/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết 15-NQ/TU ngày 23/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển cảng biển và dịch vụ cảng biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 117/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Quảng Ninh;

- Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030; Nghị quyết số 274/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài năm 2050;

- Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh V/v phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024;

- Quyết định 35/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

- Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số: 3750/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Móng Cái;

- Căn cứ văn bản số 2701/VP.UBND-ĐĐ3 ngày 04/5/2023 của văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh về việc hoàn thành kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2030) cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm;

- Căn cứ văn bản số 544/UBND-VP ngày 06/3/2023 của UBND thành phố Móng Cái “về việc thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Móng Cái”;

Các Luật chuyên ngành và văn bản dưới Luật khác có liên quan.

### **3.2. Cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất:**

- Quyết định số: 802/QĐ-UBND ngày 28/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Móng Cái;

- Quyết định số: 3706/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Móng Cái;

- Căn cứ Thông báo số ....-TB/TU ngày ..... của Thành uỷ Móng Cái "Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành uỷ về kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái";

- Căn cứ Thông báo số 7441/TB-HĐTĐ ngày 29/12/2023 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch sử dụng đất Về kết quả thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái;

- Các văn bản pháp quy khác có liên quan của HĐND và UBND thành phố Móng Cái;

- Kết quả thống kê đất đai thành phố Móng Cái năm 2022, hiện trạng sử dụng đất của thành phố Móng Cái năm 2023.

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của UBND thành phố Móng Cái.

- Số liệu các công trình, dự án đã thực hiện năm 2023, các dự án chưa thực hiện từ kế hoạch năm 2023 sang kế hoạch năm 2024.

- Nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản, y tế, giáo dục, đào tạo, dịch vụ thương mại, kinh tế - hạ tầng, quy hoạch đô thị, khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn...

**\*Nội dung:** Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái gồm những nội dung chính như sau:

I: Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

III: Lập kế hoạch sử dụng đất.

IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

## **I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI**

### **1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.**

#### **1.1.1. Vị trí địa lý**

Thành phố Móng Cái nằm ở phía Đông bắc của tỉnh Quảng Ninh với toạ độ địa lý:

Từ  $21^{\circ}02'$  đến  $21^{\circ}38'$  vĩ độ bắc.

Từ  $107^{\circ}09'$  đến  $108^{\circ}07'$  kinh độ đông.

Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Đông Hưng tỉnh Quảng Tây Trung Quốc.

Phía Đông và Đông Nam giáp biển Vịnh Bắc Bộ và huyện Cô Tô.

Phía Tây giáp huyện Hải Hà.

Theo số liệu thống kê năm 2022 thành phố Móng Cái có diện tích  $519,79\text{Km}^2$  chiếm 8,43% diện tích toàn tỉnh (chưa kể diện tích lãnh hải) Móng Cái có 17 đơn vị hành chính bao gồm 8 phường: Bình Ngọc, Hải Hòa, Hải Yên, Hòa Lạc, Ka Long, Ninh Dương, Trà Cổ, Trần Phú, và 9 xã: Bắc Sơn, Hải Đông, Hải Sơn, Hải Tiến, Hải Xuân, Quảng Nghĩa, Vạn Ninh, Vĩnh Thực, Vĩnh Trung (trong đó có 2 xã đảo là: Vĩnh Trung và Vĩnh Thực).

Móng Cái có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế, đối ngoại và an ninh – quốc phòng. Có nhiều điều kiện thuận lợi và tiềm năng lớn để phát triển kinh tế xã hội là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa phía Đông bắc của Việt Nam với Trung Quốc.

*(Nguồn: wikipedia.org và nhiều tài liệu khác)*

### **1.1.2. Địa hình, địa mạo.**

Móng Cái có địa hình đồi núi trung du ven biển, nằm trong cánh cung Đông Triều - Móng Cái, thấp dần từ bắc xuống nam bị chia cắt khá phức tạp, hình thành 3 vùng rõ rệt: Vùng núi phía bắc, vùng trung du ven biển và vùng hải đảo phía nam.

#### *\* Địa hình vùng núi phía bắc:*

Vùng đồi núi có độ cao từ 300 m – 866 m độ dốc trên  $25^{\circ}$ , hai xã Hải Sơn, Bắc Sơn là 2 xã miền núi khó khăn nhất của thành phố, là đầu nguồn của các con sông lớn như sông Ka Long, sông Thín Coóng, sông Pạt Cạp, Tràng Vinh. Rừng ở đây là rừng đầu nguồn có diện tích 7051,56 ha, việc trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ rừng có vai trò quan trọng để hạn chế lũ lụt và điều tiết nguồn nước.

#### *\* Địa hình vùng trung du ven biển:*

Diện tích khoảng 28000 ha, chiếm 54,0% diện tích tự nhiên bao gồm đồi thấp xen kẽ là những thung lũng, ruộng bậc thang và một số chân ruộng bằng phẳng ven sông, biển, vùng này gồm các xã: Hải Tiến, Hải Đông, Hải Xuân, Vạn Ninh và phường Hải Hòa, Ninh Dương, Trà Cổ, Hải Yên, Bình Ngọc, có độ cao trung bình từ 25.0 m - 94.0 m. Các dải đồi thấp, xen kẽ các thung lũng có cao độ từ 20 - 25 m.

Khu trung tâm thành phố có độ cao 4.0 m - 6.0 m.

Khu vực ven biển Trà Cỏ có độ cao trung bình từ 3.0 m - 5.0 m.

*\* Địa hình vùng hải đảo phía nam:*

Đảo Vĩnh Thực là vùng núi thấp, cao độ địa hình biến thiên trong khoảng 40 m - 166.0 m, xen kẽ giữa các vùng núi thấp là các thung lũng trồng lúa nước và đất canh tác cao độ địa hình biến thiên trong khoảng 0.5 m - 8.0 m.

*\* Địa chất công trình:*

Qua kết quả khảo sát địa chất công trình và thực tế xây dựng các công trình khả năng chịu lực của nền đất tại khu vực Móng Cái là tương đối tốt, tại vùng đồi và khu vực ven núi, xây dựng hầu như không cần gia cố móng đặc biệt, cường độ chịu lực của đất cao 2kg/ cm<sup>2</sup>.

Tại khu vực Trà Cỏ và các khu vực ven biển (nuôi trồng thủy sản) là vùng đất yếu, khi phát triển xây dựng cần khảo sát kỹ để có giải pháp hợp lý về kết cấu móng công trình.

### **1.1.3. Khí hậu.**

Khí hậu của Móng Cái tương đối ôn hoà mang tính chất nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của biển nên nóng ẩm và mưa nhiều, một năm có 2 mùa, mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa hè từ tháng 5 đến tháng 10 là vùng ven biển bị chi phối mạnh mẽ của biển.

*\* Nhiệt độ không khí.*

Nhiệt độ trung bình trong 10 năm gần đây là 23,1<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình cao nhất về mùa hè là tháng 8 với 27,9 <sup>0</sup>C - 28,9 <sup>0</sup>C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối về mùa hè đạt tới 36,9<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình thấp nhất về mùa đông vào tháng 1 với 15<sup>0</sup>C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối đạt 13,4<sup>0</sup>C.

*\* Độ ẩm không khí.*

Móng Cái là một trong những khu vực có độ ẩm không khí tương đối cao so với các nơi khác trong tỉnh trị số trung bình trong năm là 84%, các nơi khác chỉ đạt 81 – 83%. Nhìn chung độ ẩm không khí tương đối ở Móng Cái chênh lệch giữa các khu vực không lớn, phụ thuộc vào độ cao và địa hình, có sự phân hoá theo mùa, mùa mưa nhiều độ ẩm không khí cao hơn mùa ít mưa.

*\* Lượng mưa.*

- Lượng mưa trung bình hàng năm là 2479,8 mm, cao nhất 3.218 mm phân bố không đều trong năm và chia thành 2 mùa.

- Mùa mưa nhiều: từ tháng 5 đến tháng 9 chiếm 80-85% tổng lượng mưa cả năm. Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 6 và tháng 8 đạt 766,9- 803,7 mm.



- Mùa mưa ít: Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa chỉ chiếm 15-20% tổng lượng mưa cả năm, tháng có lượng mưa ít nhất là tháng 12 và tháng 1 chỉ đạt 4- 40 mm.

\* *Nắng.*

Trung bình số giờ nắng giao động từ 1355,6-1581,8 h/năm, nắng tập trung từ tháng 5 đến tháng 12, tháng có giờ nắng cao nhất là tháng 7 (212,7 h) tháng có số giờ nắng thấp nhất là tháng 2 chỉ đạt (16,3h).

\* *Chế độ gió.*

Móng Cái có 2 loại gió chính là gió Đông Bắc và gió Đông Nam.

Từ tháng 11- tháng 4 năm sau thường là gió mùa Đông Bắc tốc độ gió trung bình năm 2,3 m/s, gió mùa Đông Bắc thổi về theo đợt, mỗi đợt kéo dài từ 3-5 ngày, gió mạnh nhất có tốc độ 4-5 m/s.

Từ tháng 5 đến tháng 10 thịnh hành gió Đông Nam, gió thổi từ biển vào đất liền mang theo nhiều hơi nước. Tốc độ gió trung bình từ 2- 4m/s (cấp 2- 3) có khi tới cấp 5 đến cấp 6.

\* *Bão:*

Xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 10, tháng có nhiều bão là tháng 7, tháng 8 thường sớm hơn các khu vực khác. Bão có tốc độ gió từ 20- 40m/s, thường có mưa lớn, lượng mưa từ 100 – 200 mm, có nơi tới 500 mm.

\* *Sương muối, sương mù:*

Vùng núi thường có sương muối vào tháng 1, sương mù xuất hiện vào tháng 2-3, phổ biến trên toàn thành phố, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và tàu thuyền đi lại trên biển.

#### **1.1.4. Thủy văn, thủy triều:**

\* *Hệ thống sông suối:*

Thành phố Móng Cái có 3 sông chính:

- Sông Ka Long bắt nguồn từ khu vực Thập Vạn Đại Sơn của Trung Quốc ở độ cao 700 m, chảy dọc biên giới Việt – Trung, với tổng chiều dài sông 109 km, đoạn tạo thành biên giới Việt – Trung dài 65 km chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam rồi đổ ra vịnh Bắc Bộ, sông có 5 nhánh là Ka Long, Bắc Luân, Lục Lâm, Vạn Ninh và Hải Xuân, diện tích lưu vực khoảng 773 km<sup>2</sup> phần Móng Cái là 99 km<sup>2</sup> khu thượng lưu sông nhỏ, độ dốc lớn, phía hạ lưu sông rộng và nhiều cửa sông nên thoát lũ nhanh ít gây úng lụt.

Lưu lượng mùa lũ từ tháng 6 - tháng 7 là 7000 m<sup>3</sup>/s.

Lưu lượng mùa kiệt từ tháng 12 đến tháng 01 là 12.1 m<sup>3</sup>/s.

- Sông Tràng Vinh bắt nguồn từ các đỉnh núi cao phía tây bắc thành phố chảy qua hồ Tràng Vinh rồi ra biển, lưu lượng mùa lũ là 33.0 m<sup>3</sup>/s. Lưu lượng trung bình là 5.15 m<sup>3</sup>/s, lưu lượng mùa kiệt là 0.1 m<sup>3</sup>/s. Lũ ở đây lên xuống nhanh, thất thường, thường chịu ảnh hưởng của thủy triều.

- Sông Pát Cạp diện tích lưu vực 41 km<sup>2</sup>, lưu lượng nước sông lớn nhất 686 m<sup>3</sup>/s, lưu lượng nước sông nhỏ nhất 1,17 m<sup>3</sup>/s.

Ngoài ra còn có nhiều hệ thống sông suối nhỏ độ dốc lớn dòng chảy ngắn, mùa khô ít có tác dụng cho sản xuất và đời sống do có lưu lượng dòng chảy nhỏ.

*\* Thủy triều:*

Vùng biển Móng Cái chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ nhật triều vịnh Bắc Bộ, độ lớn thủy triều mạnh nhất thường vào tháng 1, 6, 12, Tại Mũi Ngọc độ lớn thủy triều + 4,98 m. Độ cao sóng trung bình tại khu vực Trà Cỏ: 0,5 m, độ cao sóng lớn nhất là 3,5 – 4 m.

Khu vực thành phố bị ảnh hưởng mặn trong mùa kiệt, khả năng xâm nhập mặn lớn nhất có thể lên đến vị trí cầu Ka Long, những vùng có đê ngăn mặn hiện tượng xâm thực hạn chế hơn.

**1.1.5. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.**

*\* Tài nguyên đất.*

Đất đai trên địa bàn thành phố Móng Cái được chia thành 10 nhóm đất chính và 16 nhóm đất phụ:

*- Vùng đất bằng ven biển:*

Vùng đất bằng ven biển của thành phố Móng Cái diện tích điều tra thổ nhưỡng nông hóa 21424,25 ha, chiếm 41,33% diện tích đất tự nhiên, bao gồm 6 nhóm đất chính và 13 nhóm đất phụ như sau:

*- Đất cát (C):*

Đất cát được chia thành 3 nhóm đất chính và 7 nhóm đất phụ, đất cát được hình thành do thủy triều xô đẩy các hạt cát, sỏi, cuội thạch anh ở ngoài biển vào tạo thành các dải cát ở ven bờ biển, chân đảo, có 6 nhóm đất phụ, phân bố ở các xã ven sông, ven biển diện tích 7362,28 ha, chiếm 14,2% diện tích đất tự nhiên, bao gồm các loại đất như sau: Đất cát ven sông, biển 5663,78 ha, đất còn cát trắng vàng 359,42 ha, đất cát biển 1339,08 ha.

*- Đất mặn (M):*

Đất mặn được chia thành 3 nhóm đất chính và 5 nhóm đất phụ, diện tích đất mặn là 11087.07 ha chiếm 21.39% diện tích đất tự nhiên. Trong đó: Đất mặn sú vẹt được 9893,93 ha, Đất mặn nhiều 487,45 ha, Đất mặn ít trung bình 184,44 ha, phân bố chủ yếu ở các xã Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Yên, Vạn Ninh,

Hải Hòa, hiện nay đang được khoanh vùng nuôi trồng thủy sản và trồng rừng ngập mặn.

- *Đất phèn (S):*

Diện tích 600,55 ha, chiếm 1,16% diện tích đất tự nhiên và có 2 nhóm đất chính: Đất phèn hoạt động 222,57 ha, Đất phèn tiềm tàng 377,98 ha, tập chung ở các xã ven biển ở những vùng đất trũng nên sử dụng trồng lúa kết hợp nuôi một vụ cá, những vùng đất vằn và thắp trồng 2 vụ lúa đi đôi với việc thau chua rửa mặn để cải tạo đất.

- *Đất phù sa (p):*

Diện tích 960.6 ha, chiếm 1,85% diện tích đất tự nhiên và có 3 nhóm đất chính, Đất phù sa không được bồi chua điển hình 592,4 ha, Đất phù sa không được bồi chua cơ giới nhẹ 260,56 ha. Đất phù sa không được bồi chua glây nông 107,66 ha, là loại đất do phù sa bồi tụ đất có tầng dày từ 0 – 18cm, phân bố ở các xã: Hải Tiên, Hải Yên, Hải Đông, Hải Xuân, Bình Ngọc, Vạn Ninh, Hải Hòa, Ninh Dương và Trà Cổ.

- *Đất có tầng sét loang lổ (L):*

Diện tích 1188.7 ha, chiếm 2,29% diện tích đất tự nhiên và có 2 nhóm đất phụ: Đất có tầng sét loang lổ chua glây nông 757,57 ha, Đất có tầng sét loang lổ chua kết von sâu 431,13 ha. đất có tầng sét loang lổ phân bố ở tầng thấp của dải phù sa cổ, thường có tầng đất dày, đất có thành phần cơ giới nhẹ thấm nước tốt nên canh tác lúa và cây trồng cạn đều thích hợp là loại đất tốt, ở địa hình bằng thoải, có độ phì nhiêu khá rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- *Đất Xám (X)*

Đất Xám diện tích 225,03 ha, chiếm 0,43% diện tích đất tự nhiên, phân bố rộng trên địa bàn thành phố, là loại đất có độ phì thấp, hiện tại đang được trồng lúa hoặc lúa màu. Hướng sử dụng đất ở địa hình vằn cao và vằn nên sử dụng trồng các loại cây hoa màu thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày.

- *Vùng đất đồi núi.*

Vùng đất đồi núi theo diện tích điều tra Thổ nhưỡng nông hóa có 24005,92 ha, chiếm 46,31% diện tích đất tự nhiên, bao gồm 4 nhóm đất chính và 6 nhóm đất phụ như sau:

- *Đất nâu tím (N):*

Diện tích 1678,97 ha, chiếm 3,24% diện tích đất tự nhiên, có 1 nhóm đất chính và 3 nhóm đất phụ: Đất nâu tím chua điển hình 113,56 ha, Đất nâu tím chua đá nông 967,14 ha, Đất nâu tím chua đá sâu 598,27 ha, tập trung ở các xã miền núi ở độ cao từ 25 – 175m hình thành và phát triển trên sa phiến thạch tím hạt mịn, thành

phần cơ giới thịt nặng đến sét, tỷ lệ sét dao động khoảng 30 - 40% ở tầng mặt tỷ lệ đạm, lân, kali tổng số trung bình càng xuống tầng sâu tỷ lệ càng giảm (nghèo), những nơi đất dốc từ 0 – 8<sup>0</sup> nên trồng cây hoa màu, nơi đất dốc từ 8<sup>0</sup> - 15<sup>0</sup> nên sử dụng trồng cây lâu năm, nơi đất dốc từ 15<sup>0</sup> - 25<sup>0</sup> sử dụng theo hướng nông lâm kết hợp, nơi đất dốc trên 25<sup>0</sup> nên trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ rừng.

*- Đất vàng đỏ (FV):*

Đất vàng đỏ, vàng nhạt, diện tích 21274,51 ha, chiếm 41,04% diện tích đất tự nhiên, có 6 nhóm đất phụ: Đất vàng đỏ điển hình 516,59 ha, Đất vàng đỏ đá nông 5636,34 ha, Đất vàng đỏ đá lẫn sâu 3846,97 ha, Đất vàng nhạt điển hình 1304,14 ha, Đất vàng nhạt đá nông 5003,22 ha, Đất vàng nhạt đá sâu 4967,25 ha. Tập trung ở các xã hải Sơn, Bắc Sơn, Quảng Nghĩa và 2 xã đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực. Mức độ phong hóa feralit từ trung bình đến mạnh và có su hướng giảm dần theo độ cao, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến nặng, đất có màu vàng đỏ, vàng nhạt, độ dày tầng đất từ 25 -125 cm, (độ pH<sub>kl</sub> ở tầng mặt 4,46) hàm lượng mùn giàu (3,05% ) đạm tổng số tầng mặt khá cao (0,19%) hàm lượng lân và kali tổng số trung bình (1,22%) thích hợp cho trồng cây đặc sản như quế, hồi, trám và cây ăn quả và nhiều loại cây lấy gỗ như nghiến, trai, đinh hương... phát triển tốt trên đất này. Tuy nhiên cần quan tâm đến các giải pháp chống sói mòn, bảo vệ đất về mùa khô, cải tạo nâng cao độ phì nhiêu của đất để sản xuất lâu bền.

*- Đất tầng mỏng (E):*

*Đất tầng mỏng chua điển hình (Ec):*

Diện tích 31,28 ha chiếm 0,06% diện tích đất tự nhiên, tập trung ở các xã miền núi, do quá trình đốt nương làm rẫy đất bị rửa trôi, xói mòn mạnh nên tầng đất cứng, chặt, có tầng đất <30 cm, đất nghèo dinh dưỡng, cần có biện pháp trồng rừng, phục hồi rừng, bảo vệ môi trường đất, giữ ẩm, giữ màu, phục hồi độ phì nhiêu của đất.

*- Đất nhân tác (NT):*

*Đất ruộng bậc thang vùng đồi núi glây nông (NTct-g1):*

Diện tích 1021,16 ha, chiếm 1,97% diện tích đất tự nhiên, có tầng đất từ 0-40 cm thường bị glây và hàm lượng hữu cơ cao từ 1,27 -1,55%, phản ứng chua của đất pH<sub>kl</sub> từ 4,5 – 4,6, đạm tổng số trung bình từ 0,101 – 0,15%, lân tổng số trung bình từ 0,06 – 0,10%. Đất ruộng bậc thang vùng đồi núi thích hợp cho việc trồng lúa nước và hoa màu, cần có hệ thống thủy lợi cung cấp nước thường xuyên để trồng 3 vụ, trồng 2 vụ lúa 1 vụ màu.

*\* Tài nguyên nước.*

*- Nước mặt.*

Thành phố Móng Cái có tiềm năng nước mặt rất lớn, sông Ka Long là sông chính cung cấp nguồn tài nguyên nước mặt cho Thành phố. Các sông, hồ tự nhiên được cung cấp thường xuyên một lượng nước rất lớn đảm bảo khá hiệu quả cho việc cấp, thoát nước.

Lượng nước mặt ở Móng Cái khá phong phú và phân phối đều theo không gian, dòng chảy sông ngòi chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa lũ từ tháng 5 đến tháng 9, mùa kiệt từ tháng 10 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Lượng nước lũ chiếm từ 75 -80% lượng nước cả năm, do địa hình núi cao, sông ngắn, dốc không có trung lưu, thành phố đã xây dựng các hồ đập để điều tiết dòng chảy như: Hồ Tràng Vinh diện tích lưu vực 70.8 km<sup>2</sup> , tổng lượng nước ứng với tần suất thiết kế 125 triệu m<sup>3</sup> . Hồ Quất Đông diện tích lưu vực 13 km<sup>2</sup>, dung tích hữu ích 10.5 triệu m<sup>3</sup>. hồ Kim Tinh dung tích hữu ích 2 triệu m<sup>3</sup>. Hồ Đoan Tĩnh dung tích hữu ích 1.5 triệu m<sup>3</sup>.... trong đó hồ Tràng Vinh và hồ Quất Đông là lớn nhất, có khả năng cung cấp nước dồi dào cho thành phố. (Nguồn: XN nước Móng Cái- Công ty THHH kinh doanh nước sạch Quảng Ninh).

- *Nước ngầm.*

Hiện trạng nước dưới đất của Thành phố hiện nay chưa được đánh giá đầy đủ chính xác. Với 7 tầng chứa nước dưới đất tại Thành phố, chỉ có 4 tầng có chứa nước nhạt có khả năng khai thác cho mục đích dân sinh, kinh tế ở một số khu vực còn hạn chế. Những năm gần đây nước dưới đất đã được khai thác khá nhiều nhưng chủ yếu là quy mô nhỏ và tầng khai thác là chủ yếu tầng nông (độ sâu 150 m trở lại). Hiện nay phần lớn các giếng khoan và giếng đào đều khai thác nước ngầm tầng nông, nhất là khu vực nông thôn. Nhìn chung phần lớn chất lượng nước dưới đất ở tầng nông khá tốt, hơi cứng, thuộc dạng canxi carbonate cao và ở một số vùng đồi núi. Ngoài ra đã có dấu hiệu ô nhiễm vi sinh ở một số giếng ngầm tầng nông và hàm lượng sắt trong nước ngầm tầng nông cũng khá cao ở một số khu vực, chính vì vậy cần có các biện pháp xử lý nước trước khi sử dụng cho sinh hoạt.

Nguồn nước ngầm, nước mặt của Móng Cái nếu được đầu tư khai thác sẽ đáp ứng đủ nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và sinh hoạt của nhân dân trong hiện tại và tương lai.

\* *Tài nguyên rừng và thảm thực vật*

- *Tài nguyên rừng:*

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015 Móng Cái hiện có 27.115,97 ha chiếm 52,19% diện tích đất tự nhiên, trong đó rừng phòng hộ 14.340,64 ha chiếm

52,88% diện tích đất có rừng, rừng sản xuất 12.777,33 ha chiếm 47,12% diện tích đất có rừng.

Rừng tự nhiên chiếm 35,44% diện tích rừng, phân bố chủ yếu ở vùng cao thuộc 3 xã Hải Sơn, Bắc Sơn, Quảng nghĩa và các xã có rừng ngập mặn ven biển, rừng tự nhiên ở cấp rừng nghèo và rừng trung bình.

Trữ lượng rừng tự nhiên, có khoảng 90.000 m<sup>3</sup> gỗ, ngoài ra còn tre, nứa, dóc. Tuy vậy cũng còn một số rừng nguyên sinh được bảo vệ, thích hợp cho phát triển các loại hình du lịch sinh thái trong tương lai.

Rừng trồng chiếm 64,56% diện tích rừng, được phân bố ở các phường, xã: Bắc Sơn, Hải Sơn, Quảng nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Yên và hai xã đảo, chủ yếu là rừng trồng thông, keo, có trữ lượng khoảng 76 ngàn m<sup>3</sup> gỗ.

Nhìn chung trữ lượng rừng của Thành phố trong những năm gần đây có xu hướng tăng dần do trồng rừng, một số khu rừng tự nhiên và rừng trồng do khai thác nhiều, mức độ sinh khối của rừng chưa đủ bù đắp lượng gỗ bị khai thác.

- *Thảm thực vật:*

+ Vùng đồi núi có hệ sinh thái đa dạng đã hình thành và phát triển một thảm thực vật phong phú có nhiều lớp thực vật sinh trưởng và phát triển. Do có sự can thiệp của con người trong quá trình khai thác rừng trước đây đã làm cho thảm thực vật dần bị cạn kiệt. Đến nay được sự quan tâm bảo vệ của các cấp chính quyền nên các thảm thực vật đang ở giai đoạn phục hồi và phát triển mạnh, có thể chia thành 4 cấp thảm thực vật như sau:

Thảm thực vật tái sinh: Được phục hồi sau khi bị khai thác rừng làm nương rẫy, do vậy thảm thực vật này cây thường thấp, đường kính nhỏ, tán cây bé, độ ẩm và tầng dày kém so với thảm rừng gỗ xanh.

Thảm rừng hỗn giao tre nứa: Hình thành sau khi bị khai thác, đốt cháy, các loại thân gỗ tái sinh chậm thay thế bằng các loại tre, nứa... cho nên độ ẩm tầng dày kém.

Thảm rừng cây lùm bụi, đồi cỏ: Đây là vùng đồi bị khai thác nhiều lần không phát triển được tạo nên cây lùm bụi như: Sim, mua, cỏ tranh...do có độ che phủ thấp cho nên hay xảy ra xói mòn và rửa trôi. Hiện nay đã được phủ kín bằng các loại cây như keo, bạch đàn và một số các loại cây ăn quả như vải, nhãn, hồng, cam, quýt... mang lại hiệu quả kinh tế và tăng độ che phủ cho đất.

+ Vùng đất bằng: Đây là vùng sản xuất nông nghiệp, thảm thực vật chủ yếu là các loại cây trong nhóm nông nghiệp phục vụ nhu cầu về lương thực, nhờ có sản xuất nông nghiệp mà vùng này luôn được thay đổi làm cho thảm thực vật trở nên phong phú và đa dạng.

+ Vùng cửa sông, ven biển: Thảm thực vật chủ yếu là thông, phi lao và cây sù, vẹt ngập mặn, trong lòng sông chủ yếu là rong tảo sinh sống, đây là vùng chịu nhiều tác động của con người trong quá trình khai thác sử dụng tài nguyên đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, nhất là môi trường nước.

*\* Tài nguyên biển*

Móng Cái có thêm lục địa rộng lớn gần gấp 2 lần diện tích đất nổi của thành phố có nhiều vũng vịnh, bãi triều ven biển và rừng ngập mặn tạo nên nguồn hải sản khá phong phú như; Mực ống, tôm, cua, cá, nhuyễn thể, bào ngư, ốc biển, ngọc trai... có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao. khả năng cho phép khai thác hàng năm từ 10-15 ngàn tấn; trong đó khai thác cá nổi khoảng từ 7- 9 ngàn tấn/năm. Ngoài những loài hải sản quý hiếm có giá trị trên biển Móng Cái còn có bãi biển Trà Cổ, Bình Ngọc tạo lên tua du lịch biển hấp dẫn thu hút cho du khách đến thăm quan, nghỉ dưỡng.

*\* Tài nguyên du lịch*

Móng Cái là thành phố được nghiên cứu và đánh giá là loại hình du lịch tự nhiên, được xếp vào một trong 4 trung tâm du lịch của tỉnh Quảng Ninh, đây là điều kiện thuận lợi để thu hút thêm nhiều lượt khách du lịch đến thăm quan nghỉ mát tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên. Các điểm thu hút khách du lịch trong thời gian qua phải kể đến như: Bãi biển Trà Cổ có rất nhiều tiềm năng để phát triển các khách sạn, nhà hàng ẩm thực có sức thu hút khách du lịch rất cao. Bãi biển Trà Cổ dài và đẹp với những bãi cát dài phẳng, sạch đẹp rất thích hợp cho việc tắm biển, lướt ván, khu nghỉ mát Bình Ngọc, đảo Vĩnh Thực, Vĩnh Trung, hồ Quất Đông. .... Đây là những lợi thế lớn để phát triển du lịch nghỉ mát với du lịch cảng biển, du lịch sinh thái và các loại hình du lịch như du lịch mua sắm, du lịch tắm biển,...

Ngoài các điểm du lịch trong thành phố, Móng Cái còn có thể mở rộng, liên kết với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh (thành phố Hạ Long, Vân Đồn, Cát Bà...) và đặc biệt hơn nữa là liên kết với nước bạn như Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á để hình thành các tour du lịch hấp dẫn khác...

*\* Tài nguyên khoáng sản và vật liệu xây dựng*

Thành phố Móng Cái có các loại khoáng sản chủ yếu là khoáng sản vật liệu xây dựng nằm rải rác trên địa bàn Thành phố cụ thể gồm các địa điểm như sau:

- Cát thủy tinh: Địa điểm tại Vĩnh Thực diện tích 0,5 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 0,1 triệu m<sup>3</sup>.

- Titan (ilmenit) sa khoáng: Địa điểm tại Vĩnh Thực diện tích 2,5 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 50 nghìn tấn, tại bình Ngọc diện tích 6,0 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 68 nghìn tấn.

- Sét gạch ngói: Chủ yếu tại phường Hải Yên, Ninh Dương diện tích 4,0 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 2,73 triệu m<sup>3</sup>.

- Đá granit ốp lát: Địa điểm tại Lục Phủ diện tích 2,0 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 35 triệu m<sup>3</sup>.

- Đá xây dựng: Địa điểm phía tây bắc phường Hải Yên diện tích 1,5 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 20 triệu m<sup>3</sup>.

- Cát, sỏi xây dựng: diện tích khoảng 76 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 15 triệu m<sup>3</sup> phân bố rộng khắp trên địa bàn thành phố, chủ yếu ở ven sông, suối và ven biển.

*Nguồn: Báo cáo đề án tổng hợp tài liệu địa chất, khoáng sản và hoạt động khoáng sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020.*

*\* Tài nguyên nhân văn.*

Lịch sử hình thành và phát triển của thành phố Móng Cái gắn liền với lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Thành phố Móng Cái hiện có 14 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó dân tộc kinh chiếm 94,70%, các dân tộc thiểu số khác chiếm 5,30% gồm dân tộc Dao, Tày, Hoa, Sán Chay, Sán Dìu, Nùng, Thái. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói, phong tục tập quán và những nét sinh hoạt văn hóa riêng đang được bảo tồn và phát triển.

Phát huy truyền thống cách mạng của cha ông qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước, nhân dân Móng Cái luôn kề vai sát cánh cùng quân dân cả nước chống giặc ngoại xâm, giữ vững chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, đồng thời năng động sáng tạo, tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, xây dựng thành phố xanh, sạch, đẹp, phát triển theo hướng hiện đại, cùng cả nước thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

#### **1.1.6. Thực trạng môi trường.**

*\* Hiện trạng môi trường đất*

Trong thời gian qua, môi trường đất trên địa bàn Thành phố chưa được đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên với mức độ đô thị hoá như hiện nay, lượng chất thải phát sinh thải vào môi trường đất ngày càng nhiều và các áp lực về phát triển kinh tế, xã hội, hoạt động sản xuất nông nghiệp nên chất lượng môi trường đất sẽ bị ảnh hưởng và tác động. Ngoài ra, do tập quán canh tác của người dân và việc sử dụng phân bón, nông dược bảo vệ thực vật đã tác động đến môi



trường nói chung, trong đó có môi trường đất. Kết quả phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng lúa trên địa bàn Tỉnh như sau:

Kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng lúa cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép hoặc không phát hiện. Tuy nhiên, có một số thông số vượt so với quy chuẩn cho phép điều này cho thấy việc sử dụng thuốc BVTV không theo khuyến cáo của nhà sản xuất, sử dụng quá nhiều về lâu dài chắc chắn sẽ tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường đất.

*\* Môi trường nước mặt.*

- Chất lượng nước sông Ka Long nơi có nhiều tàu thuyền qua lại chỉ số pH chỉ đạt 6,4, thấp hơn so với QCVN 08:2008/BTNMT. Các kim loại nặng như Pb, Cd, Hg đều nằm trong QCVN, tuy nhiên hàm lượng thủy ngân trong nước sông Bắc Luân nơi tàu bè qua lại buôn bán giữa Việt Nam và Trung Quốc vượt gấp 2 lần QCVN. (Nguồn: Chi cục Môi trường Quảng Ninh).

- Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường:

Thành phố Móng Cái đang sử dụng hệ thống thoát nước thải chung với nước mưa, chưa có hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận.

Hệ thống thoát nước thải chưa được xây dựng hoàn chỉnh, khu vực nội thị, hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát 65% lượng thải của toàn thành phố. Khu vực nội thành các hộ dân đều xây dựng bể tự hoại. các khu nhà trọ, nhà tạm còn thiếu các công trình vệ sinh, cộng với khu vực ngoại thành, tỷ lệ hộ dân chưa sử dụng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn vẫn còn cao, trong những năm tới thành phố cần nghiên cứu xây dựng hệ thống nước thải và nhà máy xử lý nước thải khu vực tây Ka Long, đông Ka Long và khu Trà Cổ.

*\* Hiện trạng môi trường không khí*

Tình trạng ô nhiễm MTKK ở Thành phố mang tính cục bộ, ở các khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, các đô thị, trên các tuyến đường giao thông chính ...

- Khí thải từ hoạt động giao thông được xem là một nguồn gây ô nhiễm lớn đối với môi trường không khí trên địa bàn, đặc biệt ở các khu đô thị, khu đông dân cư, vận chuyển hàng hóa và hành khách.

- Khí thải từ khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp, chủ yếu là khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất như đốt nhiên liệu, khí thải lò hơi, hóa chất bay hơi,...

- Khí thải từ hoạt động xây dựng do nhu cầu xây dựng các khu chung cư, khu đô thị mới, cầu đường, sửa chữa nhà, vận chuyển vật liệu xây dựng và phế

thải xây dựng, ... Các hoạt động như đào lấp đất, đập phá công trình cũ, vật liệu xây dựng bị rơi vãi trong quá trình vận chuyển thường gây ô nhiễm bụi đối với môi trường xung quanh.

- Khí thải từ hoạt động dân sinh đối với khu dân cư vẫn tồn tại hoạt động đun nấu sử dụng các nguyên liệu, nhiên liệu như củi, than, trấu, ... gây ô nhiễm trực tiếp cho hộ gia đình hoặc vài hộ xung quanh ở vùng nông thôn.

- Khí thải từ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Đối với làng nghề rất đa dạng các loại hình sản xuất và phân bố ở một số khu vực, do sản xuất với qui mô nhỏ và theo lối thủ công nên vấn đề xử lý khí thải, mùi hôi chưa được quan tâm, làm phát sinh mùi hôi ở các khu vực có cơ sở sản xuất nước mắm, sản xuất thức ăn gia súc, ... Tuy kết quả vượt quy chuẩn môi trường không lớn, nhưng sẽ góp phần gây ô nhiễm môi trường.

- Khí thải từ hoạt động trồng trọt do sử dụng nhiều loại nông dược bảo vệ thực vật, phân bón hóa học và việc đốt rơm rạ thải trên đồng ruộng sau khi thu hoạch.

- Khí thải từ hoạt động giết mổ, chăn nuôi gia súc. Phần lớn các cơ sở này có xây dựng hệ thống xử lý nước thải, phân (túi, hầm Biogas kết hợp ao sinh học), nhưng hầu hết chưa đạt tiêu chuẩn môi trường, chủ yếu là thông số coliform (vi sinh).

*\* Thu gom và xử lý chất thải rắn:*

Hiện tại thành phố đã có hệ thống thu gom chất thải rắn của các hộ dân và khu chợ, tỷ lệ thu gom khu vực nội thị đạt khoảng 90%. Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển tới bãi đổ Lục Lâm phường Hải Hòa. Công nghệ xử lý là chôn lấp kết hợp với đốt để giảm khối tích rác thải, đến nay bãi rác này đã quá tải không còn khả năng tiếp nhận thêm, vị trí bãi rác gần với nguồn nước gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến cảnh quan chung, hiện nay thành phố đã khảo sát địa điểm xây dựng nhà máy và khu xử lý rác thải tại phía bắc xã Quảng nghĩa diện tích khoảng 24 ha.

Bệnh viện thành phố với quy mô 120 giường đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải và lò đốt chất thải rắn.

Đánh giá chung: Đến nay Môi trường không khí, môi trường nước biển tại các khu du lịch tương đối tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm môi trường. Các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô cục bộ và mức độ yếu, các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được nếu có các biện pháp xử lý, giáo dục cộng đồng dân cư tốt, các biện pháp xử lý kịp thời và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về môi trường.

## 1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

(Nguồn: Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của thành phố Móng Cái)

Thực hiện nhiệm vụ năm 2023, trong điều kiện Thành phố có nhiều cơ hội, thuận lợi: duy trì giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong cả hệ thống chính trị, khát vọng đổi mới vì mục tiêu phát triển Móng Cái được lan tỏa mạnh mẽ; toàn Thành phố ra sức thi đua sôi nổi, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, kỷ niệm 60 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh, 15 năm thành lập thành phố Móng Cái; đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái và các dự án trọng điểm, động lực hoàn thành đưa vào sử dụng tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển; một số tồn tại về đất đai, quy hoạch được quyết liệt chỉ đạo giải quyết tạo hiệu ứng tốt trong nhân dân và doanh nghiệp; kinh tế - xã hội phát triển đúng hướng “4 trụ cột”, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn vượt cao so với dự toán được giao,....Tuy nhiên, bên cạnh các điều kiện thuận lợi, Thành phố vẫn phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức như: Một số quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết chưa hoàn thành; cơ sở hạ tầng còn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; trong cùng một thời điểm Thành phố vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp mới phát sinh chưa có trong tiền lệ, vừa phải tập trung xử lý một khối lượng lớn các tồn đọng, vướng mắc kéo dài từ nhiều năm trước; phát sinh khó khăn mới trong việc điều chỉnh chính sách xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh của phía Trung Quốc; đơn thư, kiên nghị (đồng người) trong Nhân dân liên quan đến công tác đền bù, GPMB còn diễn biến phức tạp; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, các loại tội phạm, thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn giao thông, đuối nước... tiềm ẩn phức tạp, khó lường.

Song, do có sự nhận diện, dự báo đúng tình hình, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XXIV, Nghị quyết số 11- NQ/TU ngày 12/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Nghị quyết số 146/NQ- HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND Thành phố với chủ đề công tác năm 2023 “**Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư; chất lượng dịch vụ, thương mại, logistic và đời sống Nhân dân**”, UBND Thành phố đã tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu, kế hoạch và đạt được kết quả tích cực, nhiều chỉ tiêu quan trọng đã đạt và vượt kế hoạch đề ra.

### 1.2.1. Thực trạng phát triển một số ngành, lĩnh vực

(1) Tập trung hoàn thành công tác lập, phê duyệt các quy hoạch và giải phóng mặt bằng, khai thác hiệu quả dự địa về đất đai, phát triển Thành phố:

Hiện trên địa bàn thành phố đang đẩy mạnh thu hút đầu tư triển khai có hiệu quả 4/9 quy hoạch phân khu chức năng (A1, A2, C1.1, A4.2) được duyệt; đang hoàn thiện các quy hoạch phân khu A4.1, D1, A5, A6, triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 gắn với kế hoạch sử dụng đất năm 2023, 2024; triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết các dự án động lực để thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, quy hoạch chi tiết xây dựng tạo lập quỹ đất ở cho nhân dân, tạo quỹ đất bố trí tái định cư phục vụ các dự án trên địa bàn; triển khai 43 dự án GPMB (bao gồm cả 24 dự án chuyển tiếp từ năm 2022); đã phê duyệt 203 phương án bồi thường, thực hiện chi trả cho 471 hộ dân với tổng số tiền trên 202,8 tỷ đồng; tổ chức 05 đợt bốc thăm đất tái định cư cho 19 hộ với 21 ô đất và 03 đợt giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 11 hộ (11 ô đất) thu ngân sách 33,457 tỷ đồng; quyết định phân bổ cấp kinh phí (đợt 3) với số tiền 42.303,9 tỷ đồng thực hiện chi trả tiền bồi thường, GPMB liên quan đến Dự án khu đô thị hai bên đường dân cầu Bắc Luân II (giai đoạn 1) và dự án Khu đô thị phía Nam cầu Bắc Luân II, phường Hải Hòa theo Thông báo số 168/TB- UBND ngày 21/11/2022 của UBND Tỉnh.

(2) *Tận dụng thời cơ, xúc tiến, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển chiều sâu các ngành kinh tế có lợi thế:*

Thu hút mới 01 dự án dệt nhuộm vào KCN Hải Yên (Công ty TNHH Dệt nhuộm Khánh Nghiệp Việt Nam) với diện tích 0,45ha, vốn đầu tư 12 triệu USD, công suất 24.200 tấn sợi/năm; làm việc với Công ty XNK Liên Thái Bình Dương (IPPG) xúc tiến đầu tư xây dựng Khu tổ hợp dịch vụ, thương mại tổng hợp trên địa bàn; triển khai lập hồ sơ đề nghị thực hiện phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế hỗ trợ, hướng dẫn các Nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; lập hồ sơ đề nghị thực hiện một số dự án động lực; tổng vốn đầu tư xã hội ước năm 2023 đạt 6.835 tỷ đồng, đạt 100%KH, tăng 12,1%CK (đạt chỉ tiêu NQ), tổng vốn thu hút đầu tư ngoài ngân sách ước đạt 2.187,2 triệu đồng, bằng 52% CK (vốn đầu tư nước ngoài đạt 50 tỷ đồng, bằng 83,3%CK); phát triển các ngành kinh tế có lợi thế: thành lập mới 215 doanh nghiệp, tăng 22,2%CK, đạt 100%KH (đạt chỉ tiêu NQ), thu hút thêm 599 doanh nghiệp XNK (tăng 281 doanh nghiệp so CK), nâng tổng số 1.028 doanh nghiệp làm thủ tục XNK trên địa bàn, tăng 312 doanh nghiệp so CK; Tổng trọng lượng hàng hóa XNK đạt 1.421.288 tấn, tăng 74,5% so cùng kỳ, ước đến hết năm 2023 đạt 1.625.000 tấn, tăng 71,3% so cùng kỳ; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 3.214 triệu USD, tăng 3,18%CK, ước năm 2023 đạt 4.508 triệu USD, đạt 100%KH, bằng 128%CK (đạt chỉ tiêu NQ); khách du lịch đến Thành phố ước đạt trên 2,5 triệu lượt người, tăng trên 130% CK, tăng

trên 90% KH Tỉnh giao, nộp ngân sách nhà nước về DVDL ước đạt trên 110 tỷ đồng, tăng trên 140% CK; hoạt động kinh doanh tại các chợ sôi động trở lại, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 10.200 tỷ đồng, vượt 10,5%KH, tăng 15,5% CK (đạt chỉ tiêu NQ); tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 4.527.266 triệu đồng, tăng 43,3% so CK, ước thực hiện năm 2023 đạt 4.880.000 triệu đồng, tăng 30,3% CK. Trong đó: thu từ ngành Hải quan đạt 1.471.321 triệu đồng, đạt 98,1% DT, bằng 98,1% CK, ước đạt 1.650.000 triệu đồng, đạt 110% DT, tăng 0,3% CK; thu nội địa đạt 2.190.323 triệu đồng, tăng 39,6% DT Tỉnh, tăng 26% DT Thành phố, tăng 162,7% CK; ước đạt 2.285.000 triệu đồng, tăng 45,6% DT Tỉnh, tăng 31,5% DT Thành phố, tăng 83,8% CK (vượt chỉ tiêu NQ). Tổng chi NSNN đạt 1.150.276 triệu đồng, đạt 106% DT Tỉnh, đạt 88,5% DT Thành phố, tăng 29,1% CK, ước thực hiện năm đạt 1.597.000 triệu đồng, tăng 47,2% DT Tỉnh, tăng 22,8% DT Thành phố, tăng 30,9% CK (trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 510.813 triệu đồng, tăng 42,3% DT Tỉnh, tăng 1,6% DT Thành phố, tăng 17,1% CK, ước đạt 763.944 triệu đồng, tăng 112,8% DT Tỉnh, đạt 152% DT Thành phố, tăng 44,4% CK; chi thường xuyên đạt 629.326 triệu đồng, đạt 89,4% DT, tăng 39,5% CK; ước đạt 822.919 triệu đồng, tăng 17% DT, tăng 20,5% CK); đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư công; tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển đạt 825.510 triệu đồng, phân bổ cho 114 công trình, hạng mục, nội dung đầu tư; giá trị khối lượng thực hiện đạt 511.463 triệu đồng, bằng 73,8%CK, ước thực hiện năm 2023 đạt 795.000 triệu đồng, tăng 16% CK; giá trị giải ngân đạt 425.968 triệu đồng, đạt 64,8% KH vốn giao đầu năm, đạt 51,6% kế hoạch bốn bổ sung, bằng 106,7% CK, ước thực hiện đến 31/01/2024 đạt 680.510 triệu đồng, đạt 103,5% kế hoạch.

(3) Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là các bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu đáp ứng sự phát triển của Thành phố:

Chỉ đạo thực hiện rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc đảm bảo theo quy định". Đề nghị và được UBND tỉnh phê duyệt Đề án tự chủ của 14 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. Chỉ đạo rà soát, triển khai tuyển dụng viên chức theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Năm 2023, thành phố Móng Cái đã thực hiện:

+ Điều động, luân chuyển 18 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm lại 10 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm 07 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý;

+ Ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 15/2/2023 về thực hiện quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường thuộc UBND thành phố; thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với 30 lượt cán bộ, công chức, viên chức gắn với chuyển đổi vị trí công tác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, xã, phường thuộc UBND Thành phố; Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Chọn, cử 142 lượt cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Tỉnh tổ chức, tổ chức lớp bồi dưỡng về tín ngưỡng, tôn giáo cho 151 cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp tiếp tục được tăng cường chỉ đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động. Ban hành Quyết định số 477/QĐ- UBND ngày 31/01/2023 về Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn thành phố Móng Cái; Ban hành theo đúng quy trình 03 Văn bản QPPL; chỉ đạo kiểm tra công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại 10/17 xã, phường. Tập trung thực hiện nhiệm vụ số hóa sổ hộ tịch và xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng thành phố Móng Cái. Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, cung ứng tốt các dịch vụ pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.

*(4) Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần Nhân dân theo các tiêu chí “hạnh phúc”:*

Nhân dân cơ bản có mức sống khá trở lên, Thành phố không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022- 2025, hoàn thành giảm 17 hộ nghèo diện bảo trợ, giúp 62/117 hộ cận nghèo thoát cận nghèo vượt 37,7%KH (đạt chỉ tiêu NQ), vận động, kết nối các doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở theo địa chỉ cho 24 nhà (xây 9 nhà, sửa 15 nhà) với tổng số tiền 2,2 tỷ đồng; công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được đảm bảo (khám bệnh 164.816 lượt lượt, tăng 12.397 lượt so CK; khám tại các Trạm y tế 31.913 lượt, giảm 5.547 lượt so CK; tổng số lượt điều trị nội trú là 12.489 lượt, tăng 392 lượt so CK); triển khai quản lý hồ sơ sức khỏe, liên thông và khám lập hồ sơ sức khỏe toàn dân đạt 99,67%; tỷ lệ chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt 100% (đạt chỉ tiêu NQ); tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 97,9%, tăng 0,1 %CK (đạt chỉ tiêu NQ); tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 06/6/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo cung cấp nước sạch cho Nhân dân trên địa bàn, tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng

nước hợp vệ sinh đạt 100% (đạt chỉ tiêu NQ), cư dân đô thị sử dụng nước sạch đạt 51,1%, ước cả năm đạt 60% (không đạt chỉ tiêu NQ), số còn lại do ở phân tán, hiện đang sử dụng nước giếng khoan, tự trang bị hệ thống lọc nước hộ gia đình; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đạt 100% (đạt chỉ tiêu NQ); tỷ lệ nước thải tại khu, cụm công nghiệp được xử lý 100% (đạt chỉ tiêu NQ); xây dựng và triển khai Đề án phát triển kinh tế bền vững vùng đồng bào dân tộc miền núi và hải đảo trên địa bàn Thành phố; thực hiện chi trả chế độ và các hoạt động an sinh xã hội đảm bảo, kịp thời; trong Tết nguyên đán đã chi trả trợ cấp, thăm, tặng quà tết cho 100% đối tượng gia đình chính sách, người có công, bảo trợ xã hội với tổng trị giá trên 35 tỷ đồng, huy động xã hội hóa và các chương trình an sinh xã hội trị giá 9,9 tỷ đồng; tặng quà nhân dịp kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh Liệt sĩ với tổng số 2.486 suất quà với tổng kinh phí trên 1,77 tỷ đồng; nâng cao chất lượng phục vụ hành chính công, tập trung cải cách hành chính, là hỗ trợ Nhân dân thực hiện các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, tháo gỡ các tồn tại, vướng mắc về đất đai, GPMB... bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân, tỷ lệ hài lòng, niềm tin của Nhân dân với hoạt động của chính quyền tiếp tục được nâng cao.

(5) *Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp xây dựng; tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới:*

Giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) các ngành kinh tế năm 2023 trên địa bàn ước đạt 18.224 tỷ đồng, đạt 94,4% CK. (không đạt chỉ tiêu Nghị quyết); đẩy mạnh thực hiện 03 đột phá chiến lược: về đầu tư, nâng cấp hạ tầng cơ sở được chú trọng; công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số được đẩy mạnh một cách thực chất, đạt kết quả tích cực, đến nay, có 284 TTHC giải quyết tại Trung tâm hành chính công Thành phố, trong đó có 276 TTHC (đạt 97,1%); thực hiện quy trình giải quyết theo nguyên tắc “5 tại chỗ”; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn 97%, tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt 90,84%; triển khai ứng dụng công dân số thông minh - Móng Cái Smart và phản ánh hiện trường, ISO điện tử, ký số hóa quy trình giải quyết TTHC; cấp CCCD gắn chip cho 100% công dân đủ điều kiện, đã thu nhận hồ sơ định danh điện tử đạt 95,38%; triển khai cửa khẩu số thông minh, đảm bảo 100% các quy trình, thủ tục thông quan được thực hiện trên môi trường số, tự động hóa hoạt động thông quan hàng hóa, xuất nhập cảnh; đào tạo nguồn nhân lực; tổng diện tích gieo trồng cả năm ước đạt 6.185,8 vượt 6,1 % KH, bằng 99,9% CK; tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 250.260 con, đạt 90,5% KH, tăng 1,2% CK; diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 485 ha,

tăng 18,6%% KH, bằng 101 %CK, trồng rừng gỗ lớn cây bản địa Lim, Giổi, Lát đạt 22,35 ha, đạt 18,6%KH; tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,04% và nâng cao chất lượng rừng (đạt chỉ tiêu NQ). Diện tích nuôi trồng thủy sản ước cả năm đạt 2.162,6 ha, vượt 11,3% KH, tăng 8,2% CK, sản lượng thủy sản đạt 21.501 tấn, tăng 9,8%KH, tăng 3% CK; xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới, trong đó giữ vững 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới; triển khai các nhiệm vụ giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí hoàn thành 02 xã Hải Đông, Hải Xuân đạt chuẩn NTM nâng cao, có 11 thôn/9xã đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025 (đạt chỉ tiêu NQ); thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia NTM năm 2023.

(6) *Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hoá, con người, bảo đảm an sinh xã hội:*

Thực hiệu quả công tác bảo tồn, tôn vinh, phát huy giá trị các di sản văn hóa, di tích đình Trà cổ được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di tích đình Dân Tiến được xếp hạng là di tích cấp Tỉnh, lễ hội Đình Vạn Ninh được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia; phối hợp, tổ chức thành công trên 38 sự kiện, hoạt động, giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức Lễ trao tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân ưu tú” lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể cho 03 nghệ nhân xã Vạn Ninh; hoàn thành lắp đặt thí điểm wifi miễn phí công cộng, quét mã QR Code tra cứu dịch vụ, du lịch tại 16 điểm du lịch, công khai số điện thoại đường dây nóng du lịch Thành phố; đào tạo nghiệp vụ du lịch, thành lập chi hội du lịchữ hành Móng Cái (36 hội viên); khai thác, quản lý khách du lịch Việt Nam sử dụng sổ thông hành tham quan Trung Quốc, kết nối, phối hợp xúc tiến các hoạt động du lịch biên giới; triển khai đầu tư hạ tầng các điểm, phát triển sản phẩm du lịch mới; nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với thực hiện quy ước; các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; tăng cường công tác QLNN đối với các hoạt động thể thao, thông tin và du lịch du lịch;

Hệ thống trường lớp được đa dạng hóa, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, toàn Thành phố có 67 cơ sở giáo dục, trong đó có 55 trường từ cấp Mầm non đến THPT và 01 Trung tâm GDNN&GDTX và 07 số trường ngoài công lập. Đến nay, Thành phố có 55/55 trường học kiên cố hóa (đạt 100%KH), lớp kiên cố hóa đạt 88% (vượt 3,8% so với chỉ tiêu), tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 50/55 trường, đạt 90,9% (đạt chỉ tiêu NQ); công nhận kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục năm 2022; kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2023 toàn Thành phố đạt 95,32%, tăng



1,32%CK; tham gia kỳ thi học sinh giỏi THCS cấp Tỉnh đạt 63 giải đứng Top 3 (bảng A), cấp THPT đạt 61 giải; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, xã hội hóa giáo dục được quan tâm triển khai;

Tổ chức 02 đợt Lễ ra quân hiến máu tình nguyện (được 1.120 đơn vị máu tăng 29%CK, vượt 24,4% chỉ tiêu Tỉnh giao); hỗ trợ 42 doanh nghiệp tuyển dụng 825 lao động; số lao động có việc làm mới ước đạt 3.730 lao động (vượt 7%KH, tăng 7%CK), tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 83,8% (vượt 1,8%KH, tăng 4,5%CK), tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ ước đạt 61% (đạt chỉ tiêu NQ); phê duyệt đề án đào tạo, chuyển đổi nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng bởi các dự án thu hồi đất trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 -2025, định hướng 2030; hoàn thành lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án nhà ở xã hội tại phường Hải Yên, để triển khai thu hút đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

*(7) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, trọng tâm là quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, đô thị, môi trường kinh doanh du lịch, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:*

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 06-NQ/TU, Chỉ thị 08-CT/TU của Thành ủy về quy hoạch và quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng và cơ bản giải quyết dứt điểm các tồn tại về đất đai trên địa bàn Thành phố; sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TU của BTV Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai và đầu tư công; lập và thực hiện các trình tự, thủ tục quy hoạch sử dụng đất năm 2023, có 4/5 nhóm tồn tại về đất đai đã giải quyết xong và đang trong lộ trình giải quyết hiệu quả: cấp GCNQ sử dụng đất khu vực Thoi Phí xã Vạn Ninh, cấp đổi GCNQSD đất 1.022 hồ sơ tại phường Ninh Dương, 81 trường hợp sử dụng đất trái phép tại khu Tràng Vỹ, phường Trà Cỏ; 379 hồ sơ tồn tại đất đai tại phường Trà Cỏ và khu rừng thực nghiệm trường Trần Phú, đề án giao đất, giao rừng. Riêng tồn tại cấp GCNQSDĐ khu 9, phường Hải Hòa đang được quan tâm triển khai;

Chỉnh trang, tạo cảnh quan tại một số khu vực, tuyến đường chính, các điểm du lịch, tạo cảnh quan đô thị, gắn với các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh; tăng cường, thực hiện tốt công tác quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và cấp phép xây dựng trên địa bàn; kiểm tra 26 giấy CNQSDĐ, kiến nghị thu hồi 07 GCNQSD để cấp lại theo quy định, truy thu tiền sử dụng đất

2.166,84 tỷ đồng; Đáng chú ý đến 30/11/2023 đã cấp được 6.966 giấy CNQSDĐ, đạt 149,8% KH, tăng 36,4% CK; thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất cho 323 trường hợp; phối hợp rà soát, kiểm tra thực địa giao đất, tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc khai thác tài nguyên nước, khai thác, kinh doanh, vận chuyển đất, đá, vật liệu xây dựng;

Triển khai hoàn thành 06 cuộc thanh tra theo kế hoạch đạt 100%; thực hiện 316 lượt tiếp công dân với 686 người (giám 82 lượt, 149 người so CK); tiếp nhận 340 đơn/340 vụ việc, số đơn, số vụ việc, đủ điều kiện xử lý: 288 đơn = 288 vụ việc (giảm 48 vụ so cùng kỳ). Kết quả giải quyết: Đã giải quyết xong: 39/42 đơn khiếu nại (đạt 92,9%); 03/03 đơn tố cáo (03/03 vụ đều tố cáo sai); 138/168 đơn kiến nghị, phản ánh (bằng 80%); 14/16 đơn do HĐND Thành phố chuyển, còn 02/16 vụ việc đang thực hiện; chỉ đạo triển khai thực hiện kết luận 41 cuộc kiểm toán, thanh tra, giám sát trên địa bàn.

*(8) Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:*

Tổ chức thành công diễn tập phòng thủ năm 2023; giao, nhận quân năm 2023 (157 tân binh, đạt 100%KH), Lễ ra quân huấn luyện năm 2023 và phát động đợt thi đua cao điểm “Ghi sâu lời Bác, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023”; tiếp nhận 135 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự đăng ký vào ngạch dự bị; ra mắt mô hình "An ninh cơ sở" tại 6 xã/phường, mô hình điển hình “xã, phường điển hình về công tác dân vận, an ninh, trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ ANTO” (Hải Xuân) và một số mô hình mới được triển khai;

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, dân tộc, tôn giáo ổn định; không xảy ra các vụ việc phức tạp, nghiêm trọng, các tụ điểm “nóng”; tội phạm ma túy, kinh tế, môi trường, tai nạn giao thông, cháy nổ cơ bản được kiểm soát, kiểm chế, giảm so với cùng kỳ; năm 2023 trên địa bàn đã xảy ra 42 vụ phạm pháp hình sự, giảm 08 vụ so CK (trọng án xảy ra 02 vụ, giảm 01 vụ so CK), điều tra làm rõ 40/42 vụ (đạt 95,2%), 86 đối tượng, thu hồi tài sản 174 triệu đồng; phát hiện, bắt giữ 60 vụ, 64 đối tượng vi phạm pháp luật về kinh tế, giảm 6 vụ, 8 đối tượng so CK; 34 vụ, 34 đối tượng vi phạm về môi trường, giảm 18 vụ, 16 đối tượng so CK; 100% tố giác, tin báo về tội phạm được tiếp nhận và tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt 84% (51/61 tin); triển khai hiệu quả Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 26/12/2022 của BTV Thành ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đấu tranh, phòng, chống ma túy; 100% người nghiện ma túy (38 đối tượng) được rà soát, lập hồ sơ quản lý theo quy định, kiểm chế phát sinh số người nghiện mới”; tiếp nhận, bắt giữ 68 vụ, 167 đối tượng phạm tội,

vi phạm pháp luật về ma túy, giảm 27 vụ, 37 đối tượng so CK. Tình hình tai nạn giao thông được kiểm chế, kiểm soát: xảy ra 28 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 10 người chết, 30 người bị thương, thiệt hại tài sản khoảng 1.284 triệu đồng, giảm 03 vụ, 02 người chết, tăng 04 người bị thương so CK; không xảy ra tai nạn đường thủy, tai nạn cháy nổ xảy ra 01 vụ cháy, giảm 01 vụ so CK ;

Quyết liệt kiểm soát, ngăn chặn hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn, tiếp tục chủ động làm tốt công tác phòng ngừa, tuần tra, kiểm soát dọc tuyến biên giới để kịp thời phát hiện, bắt giữ, xử lý các đối tượng xuất nhập cảnh trái phép, các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới tại khu vực cửa khẩu, đường mòn, lối mở.... các lực lượng đã bắt giữ, xử lý 383 vụ/360 đối tượng, trị giá ước tính 6.367,7 triệu đồng (tăng 6,69% về số vụ và tăng 21,67% về trị giá so CK).

*(9) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển:*

Phối hợp, chuẩn bị nội dung, đón tiếp các Đoàn Lãnh đạo cấp cao Quốc tế đến thăm và làm việc tại thành phố Móng Cái bảo đảm chu đáo, tuyệt đối an toàn, trọng thị, đúng quy định;

Tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác trực tiếp với thành phố Đông Hưng;

Trao đổi, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa doanh nghiệp, cư dân hai bên biên giới, liên quan đến các công trình kè biên giới, phối hợp giải quyết khó khăn về thủ tục XNC của khách du lịch và nhân dân;

Giải quyết thủ tục cho 1.908.256 lượt người nhập cảnh (tăng 420% so CK); 1.916.411 lượt người xuất cảnh (tăng 63% so CK); (75) tổ chức Hội chợ Thương mại - Du lịch Quốc tế Việt - Trung (Móng Cái, Việt Nam - Đông Hưng, Trung Quốc) lần thứ 15 năm 2023 với chủ đề “Hợp tác hữu nghị - Liên kết phát triển” với 400 gian hàng (300 gian hàng của các doanh nghiệp Việt Nam, 100 gian hàng của các doanh nghiệp Trung Quốc) và các hoạt động giao lưu kinh tế - văn hóa truyền thống đặc sắc nơi biên giới;

*(10) Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền quang bá, giới thiệu tiềm năng lợi thế so sánh của Thành phố: thực hiện tốt công tác truyền truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tiếp tục tạo đồng thuận cao trong Nhân dân:*

Tổ chức Lễ chào cờ đón năm mới 2023 (khu vực nhà lưu niệm bác Hồ, cửa khẩu quốc tế Móng Cái) đảm bảo trang trọng, khí thế năm mới; tổ chức bắn pháo hoa tầm cao đêm giao thừa, chương trình văn hóa, nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện, lễ kỷ niệm của đất nước, Tỉnh và Thành phố;

Xã hội hóa trên 1 tỷ đồng in 27.000 cuốn lịch Tết chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập tỉnh; đẩy mạnh truyền truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, 5.512 lượt tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở, các trang mạng xã hội và tuyên truyền trực quan phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các sự kiện của thành phố; theo dõi, tổng hợp trên 839 lượt tin, bài báo viết về các vấn đề liên quan đến Thành phố, kiểm tra, xác minh 09 vấn đề bất cập được báo chí phản ánh và dư luận Nhân dân quan tâm; xử lý 09 vụ việc, xử phạt hành chính 02 đối tượng (số tiền 15 triệu) về việc lợi dụng không gian mạng đăng tải thông tin trái chiều, gây phức tạp tình hình an ninh, trật tự tại địa bàn; 04 tài khoản, trang/nhóm có tin, bài, hình ảnh, video xấu độc

### **1.2.2. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội:**

#### **(1) Ưu điểm:**

Thực hiện nhiệm vụ năm 2023, với tinh thần quyết tâm, sáng tạo, bám sát chủ trương chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh, Thành ủy, HĐND Thành phố. UBND Thành phố đã chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực: 14/16 chỉ tiêu theo Nghị quyết 146/NQ-HĐND thực hiện đạt và vượt tiến độ (vượt: 03 chỉ tiêu; đạt: 11 chỉ tiêu).

Tập trung hoàn thành công tác lập, phê duyệt các quy hoạch phát triển Thành phố: đến nay, Móng Cái là địa phương đi đầu trong Tỉnh có tỷ lệ bao trùm quy hoạch phân khu lớn nhất - đã được UBND Tỉnh phê duyệt 4/9 quy hoạch phân khu chức năng (A1, A2, C1.1, A4.2); hoàn thành quy hoạch chung xây dựng 5 xã (Quảng Nghĩa, Hải Tiên, Hải Đông, Hải Sơn, Bắc Sơn); quy hoạch phân khu A4.1, D1, A5, A6 dự kiến được phê duyệt trong Quý 1/2024,... đây là cơ sở quan trọng để quản lý đất đai, xây dựng và thu hút đầu tư;

Tận dụng hiệu quả kết nối của tuyến đường cao tốc dài nhất Việt Nam (từ Lào Cai - Móng Cái) để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển du lịch; phát triển doanh nghiệp mới đạt 100%KH; thu hút thêm 599 doanh nghiệp XNK (tăng 281 doanh nghiệp so CK);

Thu ngân sách Nhà nước đạt cao nhất từ trước đến nay, tăng 30,3% CK;

Tổ chức thành công Hội chợ Thương mại, Du lịch Quốc tế Việt - Trung lần thứ 15 năm 2023 (Móng Cái, Việt Nam - Đông Hưng, Trung Quốc) với chủ đề “Hợp tác - Hữu Nghị - Liên kết phát triển”, với quy mô 400 gian hàng và các hoạt động giao lưu kinh tế, thể thao, văn hóa truyền thống đặc sắc nơi biên giới;

Đình Trà Cổ được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt, lễ hội đình Vạn Ninh được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia; Đình Dân Tiên được xếp hạng cấp Tỉnh; Nhà lưu niệm Bác Hồ tại cửa khẩu đã thông qua Hội đồng các cấp đề nghị xếp hạng cấp Tỉnh);

Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được duy trì đảm bảo; tổ chức thành công Diễn tập Khu vực phòng thủ năm 2023; không có tình huống đột xuất, bất ngờ

xảy ra trên địa bàn; hoạt động đối ngoại được tăng cường, đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả - là điểm sáng “hình mẫu” trong quan hệ hợp tác khu vực biên giới hai nước Việt Nam - Trung Quốc, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác, cùng phát triển;

Tổ chức thành công đợt thi đua cao điểm, tổ chức gắn biển 04 công trình trên địa bàn TP (01 công trình cấp tỉnh và 03 công trình cấp Thành phố) và chuỗi các hoạt động chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập tỉnh và 15 năm thành lập thành phố Móng Cái, qua đó khơi dậy trong mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân niềm tin, niềm tự hào, khát vọng, quyết tâm xây dựng thành phố Móng Cái ngày càng, giàu đẹp, văn minh và hiện đại;

Đời sống vật chất, tinh thần Nhân dân theo các tiêu chí “hạnh phúc”, niềm tin của Nhân dân, doanh nghiệp với cấp ủy, chính quyền các cấp được nâng lên: Nhân dân cơ bản có mức sống khá trở lên; Thành phố không còn hộ nghèo, giảm hộ cận nghèo còn 57 hộ (chiếm 0,19%); an sinh xã hội được đảm bảo văn hóa, xã hội tiếp tục có bước tiến mới.

### (2) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh các kết quả đã đạt được thì cũng còn một số tồn tại, hạn chế là:

Còn 02/16 chỉ tiêu theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐND Thành phố chưa đạt tiến độ đề ra (giá trị sản xuất các ngành kinh tế; tỷ lệ hộ dân đô thị sử dụng nước sạch);

Phát triển ngành công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; việc thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư còn khiêm tốn so với với dư địa - lợi thế so sánh của Thành phố;

Tỷ lệ chung hộ gia đình ở khu vực đô thị sử dụng nước sạch chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

Tiến độ thi công, công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án, phân khai nguồn vốn còn chậm, đặc biệt là vốn các chương trình mục tiêu quốc gia; Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và các dự án trong chương trình xây dựng Nông thôn mới chưa đồng đều, dồn vào cuối năm;

Công tác quản lý trật tự đô thị còn nhiều bất cập, chưa triệt để; công tác chỉnh trang, xây dựng văn minh đô thị chuyên biến chậm;

Tình hình đơn thư kiến nghị, khiếu nại về đất đai, GPMB; buôn lậu, gian lận thương mại, dịch bệnh, an ninh trật tự xã hội,... tiềm ẩn yếu tố phức tạp cần tiếp tục quan tâm, tập trung chỉ đạo.

### (3) Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế:

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, song chủ yếu là:

#### \* Nguyên nhân khách quan:

Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, việc tiếp cận nguồn vốn khó khăn, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

phụ thuộc nhiều vào chính sách biên mậu của phía Trung Quốc,...nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp, người dân;

Do khó khăn về thủ tục liên quan đến nguồn đất đắp đã ảnh hưởng đến tiến độ chung của một số dự án; thị trường bất động sản trầm lắng, tác động trực tiếp đến thu ngân sách và giải ngân đầu tư công;

Ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, nhất là trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài nguyên và môi trường, chính sách cư dân biên giới,... gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước;

Các thách thức an ninh phi truyền thống (an ninh mạng, an ninh kinh tế, tội phạm ma túy, tội phạm xuyên biên giới, tội phạm công nghệ cao...) tiềm ẩn phức tạp, khó lường.

*\*Nguyên nhân chủ quan:*

Năng lực của một bộ phận lãnh đạo, cán bộ có mặt còn hạn chế, tính cụ thể hóa chủ trương, năng lực điều hành, tham mưu, quản lý nhà nước một số lĩnh vực chưa đổi mới, thiếu quyết tâm thực hiện nhiệm vụ, sợ sai, sợ trách nhiệm, chưa chủ động tham mưu, đề xuất xử lý, quyết định công việc thuộc thẩm quyền;

Sự phối hợp giữa các phòng, ban, xã, phường trong thực hiện một số lĩnh vực Nhân dân quan tâm (đất đai, xây dựng, bồi thường GPMB,..) còn chậm, chưa quyết liệt, còn biểu hiện đùn đẩy, né tránh trong thực hiện nhiệm vụ chung; một số vướng mắc, tồn tại về đất đai, GPMB vượt thẩm quyền giải quyết của Thành phố;

Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm ở một số lĩnh vực (quản lý vỉa hè, lòng đường, trật tự đô thị...) thiếu quyết liệt, thiếu đồng bộ, chưa triệt để.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023**

### **2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:**

Căn cứ Quyết định số: 802/QĐ-UBND ngày 28/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Móng Cái; Quyết định số: 3706/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Móng Cái.

Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái đã triển khai việc giao đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Tổng số dự án, công trình trong phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt theo Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 là 146 danh mục dự án, công trình; đăng ký mới và bổ sung theo Quyết định số 3706/QĐ-

UBND ngày 30/11/2023 là 2 công trình, dự án. Trong năm 2023 đã thực hiện được 15 dự án.

**Bảng 1: Các công trình đã thực hiện kế hoạch năm 2023**

TT	Tên công trình	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích KH đã thực hiện (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Trụ sở bảo hiểm xã hội thành phố Móng Cái	Phường Hoà Lạc	0,13
2	Khu đô thị Đại lộ Hòa Bình Kéo Dài (giai đoạn 1)	Phường Hải Hoà	48,80
3	Bãi đổ thải thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xã Hải Tiến - Hồ Tráng Vinh đến trạm Biên phòng Pò Hèn xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Diện tích nằm trong đất quốc phòng không thu hồi)	Xã Hải Sơn	6,50
4	Nhà văn hóa xã Hải Sơn	Xã Hải Sơn	0,30
5	Điểm khai thác mỏ đất tại thôn 5 xã Quảng Nghĩa (Khu I, Điểm số 1, phục vụ dự án Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường ven biển đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh)	Xã Quảng Nghĩa	46,97
6	Điểm khai thác mỏ đất tại thôn 5 xã Quảng Nghĩa (Khu II, Điểm số 1, phục vụ dự án Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường ven biển đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh)	Xã Quảng Nghĩa	41,90
7	Điểm khai thác đất tại thôn 2 xã Quảng Nghĩa (điểm số 5, phục vụ dự án Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường ven biển đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh)	Xã Quảng Nghĩa	12,39
8	Các điểm khai thác đất phục vụ thi công dự án đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái thuộc địa bàn thành phố Móng Cái (điểm số 9)	Xã Quảng Nghĩa	26,76
9	Các điểm khai thác đất phục vụ thi công dự án đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái thuộc địa bàn thành phố Móng Cái (điểm số 10)	Xã Quảng Nghĩa	42,32
10	Điểm khai thác đất tại Khu 6, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái (điểm số 3, phục vụ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái)	Phường Hải Yên	8,17
11	Điểm khai thác đất tại khu 4, phường Hải Yên (Điểm số 4, phục vụ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái)	Phường Hải Yên	6,19
12	Điểm khai thác đất tại Khu Hòa Bình, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái (Điểm số 2, phục vụ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái)	Phường Ninh Dương	2,72

13	Điểm đổ thải tại xã Quảng Nghĩa (Điểm Số 1), thành phố Móng Cái phục vụ thi công dự án Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường ven biển đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Xã Quảng Nghĩa	0,78
14	Điểm bãi đổ thải phục vụ đường cao tốc	Xã Hải Đông	1,29
15	Điểm bãi đổ thải đất phục vụ dự án Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường ven biển đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ( điểm số 2, phục vụ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái)	Xã Hải Tiến	4,60

**Bảng 2. Các công trình được duyệt trong kế hoạch năm 2023 chưa thực hiện, không đưa vào kế hoạch năm 2024**

STT	Hạng mục	Diện tích	Lí do không thực hiện	Địa điểm (đến cấp xã; phường)
1	Trạm kiểm soát biên phòng Bắc Luân 2/Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Móng Cái.	6,17	Chưa có Quy hoạch chi tiết 1/500	Phường Hải Hoà
2	Cụm công nghiệp số 1 phía Nam sông Lục Lâm	75,00	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư	Phường Hải Hoà
3	Cụm công nghiệp số 2 phía Nam sông Lục Lâm	67,94	Chưa có quyết định chủ trương đầu tư	Phường Hải Hoà
4	Điều chỉnh cục bộ Lô 2 – đường dẫn xuống biển thuộc khu 4, phường Bình Ngọc, thành phố Móng Cái	0,10	Chưa có Quy hoạch chi tiết 1/500	Phường Bình Ngọc
5	Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại (GD 2)	21,85	Không có nhu cầu thực hiện 2024	Phường Hải Hoà
6	Dự án mở rộng bến bốc xếp thôn Cầu Voi, xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	5,28	Chưa thông qua NQ HĐND tỉnh	Xã Vạn Ninh
7	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất xây dựng trụ sở cơ quan sang đất ở	0,60	Không có nhu cầu thực hiện 2024	Các phường: Phường Hòa Lạc, Phường Trần Phú
8	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sinh hoạt cộng đồng sang đất ở	0,06	Không có nhu cầu thực hiện 2024	Phường Hải Yên
9	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất giáo dục sang đất ở	2,01	Không có nhu cầu thực hiện 2024	Các xã, phường: Bắc Sơn, Hải Sơn, Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Vạn Ninh, Hải Xuân, Hải Yên, Ninh Dương, Trà Cổ, Bình Ngọc
10	Quỹ đất xen kẹp đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất	0,17	Không có nhu cầu thực hiện 2024	Các xã, phường: Hải Yên, Ninh Dương, Ka Long, Hòa Lạc, Trần Phú, Bình Ngọc



**Bảng 3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt theo QĐ số 3706/QĐ- UBND ngày 30/11/2023	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>52.015,32</b>	<b>51.979,10</b>	<b>-36,22</b>	<b>99,93</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>37.197,55</b>	<b>38.017,32</b>	<b>819,77</b>	<b>102,20</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.958,93	3.162,56	203,64	106,88
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.604,80</i>	<i>1.772,92</i>	<i>168,12</i>	<i>110,48</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	945,33	993,38	48,06	105,08
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.667,16	1.784,04	116,88	107,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	15.077,34	15.142,78	65,44	100,43
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.196,23	13.356,05	159,82	101,21
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.343,68	3.569,63	225,94	106,8
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00	0,00	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	8,88	8,88	0,00	100,00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>9.397,65</b>	<b>8.166,46</b>	<b>-1.231,18</b>	<b>86,90</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	321,76	265,27	-56,49	82,44
2.2	Đất an ninh	CAN	12,09	5,35	-6,74	44,25
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	117,81	79,59	-38,22	67,55
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	142,94	0,00	-142,94	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	740,62	345,12	-395,51	46,60
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	213,07	126,86	-86,22	59,54
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	0,00	0,0	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	275,95	194,07	-81,88	70,33
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.035,56	2.677,05	-358,51	88,19
	<i>Trong đó:</i>		<i>0,00</i>	<i>0,00</i>		
-	Đất giao thông	DGT	1.971,85	1.613,25	-358,59	81,81
-	Đất thủy lợi	DTL	496,45	511,47	15,02	103,03
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	18,11	17,42	-0,69	96,17
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,39	8,36	-0,03	99,69

-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	80,76	77,09	-3,66	95,46
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	129,52	114,21	-15,31	88,18
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,58	2,50	-0,08	97,02
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,47	1,47	0,00	99,94
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00	0,00	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	0,24	0,24	0,00	100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	62,88	71,36	8,48	113,49
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,12	10,77	-1,35	88,85
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	235,49	237,13	1,64	100,70
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,00	0,00	0,00	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,04	0,04	0,00	100,00
-	Đất chợ	DCH	15,67	11,74	-3,93	74,91
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00	0,00	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,65	12,86	-0,80	94,16
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	54,72	28,26	-26,46	51,65
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	336,19	318,93	-17,25	94,87
2.14	Đất ở đô thị	ODT	415,88	411,42	-4,46	98,93
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	73,44	36,69	-36,76	49,95
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,78	0,80	0,02	102,38
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00	0,00	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,62	10,72	0,10	100,94
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.519,85	2.537,24	17,38	100,69
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.110,75	1.114,15	3,40	100,31
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,95	2,10	0,15	107,58
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>5.420,13</b>	<b>5.795,32</b>	<b>375,19</b>	<b>106,92</b>

### 2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

#### 2.1.1.1. Đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt diện tích năm 2023 của thành phố là 37.197,55 ha, kết quả thực hiện là 38.017,32 ha, tổng diện tích đất nông nghiệp cao hơn 819,77 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Cụ thể các chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa:

Đất trồng lúa theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 2.958,93 ha, kết quả thực hiện là 3.162,56 ha, diện tích đất trồng lúa cao hơn 203,64 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.604,80 ha, kết quả thực hiện là 1.772,92 ha, cao hơn 168,12 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do nhiều dự án thu hồi đất chuyên trồng lúa nước chưa thực hiện như: Trụ sở Công an xã Hải Đông, Hải Xuân, Vĩnh Trung; Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân; Khu dân cư đô thị mới tại Km5, P.Hải Yên; Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương; Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ, phường Ninh Dương; Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái....

- *Đất trồng cây hàng năm khác:*

Đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 945,33 ha, kết quả thực hiện là 993,38 ha, cao hơn 48,06 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do một số dự án thu hồi đất trồng cây hàng năm chưa triển khai đúng theo kế hoạch đặt ra như: Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân; Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Dự án nhà ở xã hội tại phường Hải Yên; Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương; Khu tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương; Khu dân cư khu Thượng Trung phường Ninh Dương; Khu phức hợp đô thị, công viên cây xanh kết hợp thương mại, dịch vụ; Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Giai đoạn 2; Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Quảng Nghĩa, Hải Đông; Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1)....

- *Đất trồng cây lâu năm:*

Đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 1.667,16 ha, kết quả thực hiện 1.784,04 ha, cao hơn 116,88 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích đất trồng cây lâu năm cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do một số dự án thu hồi đất trồng cây lâu năm vẫn đang trong quá trình triển khai chưa hoàn thành như: Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn phường Hải Yên;

Khu nhà ở xã hội tại phường Hải Yên; Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại (GD 1); Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Giai đoạn 2; Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Quảng Nghĩa; Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1)...

- *Đất rừng phòng hộ:*

Đất rừng phòng hộ theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 15.077,34 ha, kết quả thực hiện 15.142,78 ha, cao hơn 65,44 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích đất rừng phòng hộ cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do một số dự án thu hồi đất rừng phòng hộ chưa hoặc đang trong quá trình triển khai thực hiện như: Đất Quốc phòng phường Trà Cổ; Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Giai đoạn 2; Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa...

- *Đất rừng sản xuất:*

Đất rừng sản xuất theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 13.196,23 ha, kết quả thực hiện là 13.356,05 ha, cao hơn 159,82 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do một số dự án thu hồi đất rừng sản xuất vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện như: Căn cứ chiến đấu tại xã Hải Đông, phường Hải Yên; Dự án nhà ở xã hội tại phường Hải Yên; Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Yên; Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Giai đoạn 2; Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1)....

- *Đất nuôi trồng thủy sản*

Đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 3.343,68 ha, kết quả thực hiện 3.569,63 ha, cao hơn 225,94 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do một số dự án thu hồi đất nuôi trồng thủy sản chưa triển khai đúng theo kế hoạch đặt ra như: Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân; Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Đường kết nối từ

đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia; Nhà máy chế biến cát đen (quặng TITAN); Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1)...

\*Diện tích các chỉ tiêu đất nông nghiệp trong năm kế hoạch 2023 đều cao hơn so với phương án kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt là do nhiều dự án trong kỳ kế hoạch năm 2023 có sử dụng vào đất nông nghiệp vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện và một số dự án chưa được triển khai thực hiện nên các chỉ tiêu đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp đều chưa đạt.

### **2.1.1.2. Đất phi nông nghiệp:**

Đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt là 9.397,65 ha, kết quả thực hiện 8.166,46 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 1.231,18 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt, kết quả thực hiện thấp là do có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến các dự án vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện nên chỉ tiêu đất phi nông nghiệp chưa thực hiện được theo như phương án đề ra. Kết quả thực hiện được phân bổ cụ thể cho từng chỉ tiêu như sau:

#### **- Đất quốc phòng**

Đất quốc phòng theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 321,76 ha, kết quả thực hiện 265,27 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 56,49 ha, nguyên nhân do một số dự án chưa thực hiện được như: Căn cứ chiến đấu tại xã Hải Đông, phường Hải Yên; Điểm đất Quốc phòng tại xã Hải Sơn, phường Trà Cổ; Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ.

#### **- Đất an ninh**

Đất an ninh theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 12,09 ha, kết quả thực hiện 5,35 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 6,74 ha, nguyên nhân một số dự án về an ninh vẫn đang trong quá trình thực hiện như: Trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long thành phố Móng Cái; Trụ sở Công an các xã Hải Sơn, Hải Tiến, Vạn Ninh, Hải Xuân, Vạn Ninh, Hải Yên, Hải Hòa, Quảng Nghĩa, Hải Đông, Vĩnh Trung, Vĩnh Thực; Trụ sở làm việc công an thành phố Móng Cái.

#### **- Đất khu công nghiệp**

Đất khu công nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 117,81 ha, kết quả thực hiện 79,59 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 38,22 ha, nguyên nhân do dự án Khu công nghiệp Hải Yên vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Đất thương mại, dịch vụ:*

Đất thương mại, dịch vụ theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 740,62 ha, kết quả thực hiện 345,12 ha, diện tích đất thương mại dịch vụ thấp hơn 395,51 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp là do các dự án như: Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu 7; Cửa hàng xăng dầu Nam cầu Máng tại xã Hải Xuân; Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên; Mở rộng khu bến bãi KM3 +Km4 sông Ka Long ; Khu dịch vụ thương mại phường Hải Hoà và các dự án phát triển kinh tế xã hội đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 213,07 ha, kết quả thực hiện 126,86 ha, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thấp hơn 86,22 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do các dự án vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện như: Nhà máy chế biến cát đen (quặng TITAN); Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Ninh Dương (Dự án kho hàng hóa và xưởng); Khu bến cảng, kho bãi hàng hóa và vật liệu xây dựng tại phường Ninh Dương; Khu xử lý nước, cấp nước cho Khu công nghiệp Hải Yên và khu dân cư lân cận tại phường Hải Yên; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:*

Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 275,95 ha, kết quả thực hiện 194,07 ha, thấp hơn 81,88 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp nguyên nhân do dự án Mở khai thác đất phục vụ san lấp mặt bằng thi công các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Móng Cái giai đoạn trung hạn 2021-2025 (mỏ số 11) đang trong thời gian thực hiện

- *Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:*

Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 3.035,56 ha, kết quả thực hiện 2.677,05 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 358,51 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể các chỉ tiêu cho đất phát triển hạ tầng được phân phối như sau:

+ Đất giao thông: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 đất là 1.971,85 ha, kết quả thực hiện là 1.613,25 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 358,59 ha so với chỉ

tiêu kế hoạch được phê duyệt.

+ Đất thủy lợi: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 496,45 ha, kết quả thực hiện là 511,47 ha, diện tích thực hiện cao hơn 15,02 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 đất xây dựng cơ sở văn hoá là 18,11 ha, kết quả thực hiện là 17,42 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 0,69 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Kết quả thực hiện thấp do một số cơ sở văn hóa tại các khu dân cư, khu tái định cư vẫn đang trong quá trình thực hiện.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 8,39 ha, kết quả thực hiện là 8,36 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 0,03 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Kết quả thực hiện thấp do đất xây dựng cơ sở y tế trong khu phức hợp đô thị, công viên cây xanh kết hợp thương mại, dịch vụ xã Hải Xuân đang trong quá trình triển khai, thực hiện.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 80,76 ha, kết quả thực hiện là 77,09 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 3,66 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do các dự án, công trình đang trong quá trình thực hiện như: Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương; Trường THCS Bình Ngọc; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo nằm trong các dự án: Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Khu tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương; Khu dân cư Bắc đại lộ Hòa Bình; Khu phức hợp đô thị, công viên cây xanh kết hợp thương mại, dịch vụ;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 129,52 ha, kết quả thực hiện là 114,21 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 15,31 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao nằm trong các dự án thuộc các khu đô thị, khu dân cư đang trong quá trình thực hiện.

+ Đất công trình năng lượng: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 2,58 ha, kết quả thực hiện là 2,50 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 0,08 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do dự án: Nhà trực vận hành điện số 2 TP.Móng Cái; Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà đang trong quá trình thực hiện.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Phương án kế hoạch được duyệt năm 2023 là 62,88 ha, kết quả thực hiện 71,36 ha, diện tích thực hiện cao hơn 8,48 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 12,12 ha, kết quả thực hiện là 10,77 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 1,35 ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do dự án Dự án phục hồi di tích chùa Linh Sơn, phường Hải Yên đang trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 235,49 ha kết quả thực hiện là 237,13 ha, diện tích thực hiện cao hơn 1,64 ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do các dự án lấy vào đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đang trong quá trình triển khai thực hiện nên diện tích còn lại cao hơn so với kế hoạch được phê duyệt.

+ Đất chợ: Theo kế hoạch phê duyệt năm 2023 đất chợ là 15,67 ha, kết quả thực hiện 11,74 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 3,93 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do dự án: Chợ nông thôn tại xã Bắc Sơn, Vạn Ninh; Chợ truyền thống, kho bảo quản, bãi tập kết hàng hóa, khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm Ocop; Chợ ASEAN, tại phường Hải Hòa đang trong quá trình thực hiện.

- *Đất sinh hoạt cộng đồng:*

Đất sinh hoạt cộng đồng theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 13,65 ha, kết quả thực hiện 12,86 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 0,80 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do đất sinh hoạt cộng đồng nằm trong các dự án quy hoạch các khu dân cư vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:*

Đất khu vui chơi giải trí công cộng theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 54,72 ha, kết quả thực hiện là 28,26 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 26,46 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do các dự án quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, các điểm tái định cư ... vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Đất ở tại nông thôn:*

Đất ở tại nông thôn theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 336,19 ha, kết quả thực hiện là 318,93 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 17,25 ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do những dự án quy hoạch các khu dân cư, khu tái định cư, các điểm dân cư... vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Đất ở tại đô thị:*

Đất ở tại đô thị theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 415,88 ha, kết quả thực hiện là 411,42 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 4,46 ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do nhiều dự án khu dân cư đô thị mới, khu tái định cư, quy hoạch khu đô thị ... vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.



- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Đất xây dựng trụ sở cơ quan theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 73,44 ha, kết quả thực hiện là 36,69 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 36,76 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án: Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại GD1 + GD2; Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tại phường Hải Hòa chưa thực hiện.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:*

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 0,78 ha, kết quả thực hiện 0,80 ha, diện tích thực hiện cao hơn 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất cơ sở tín ngưỡng:*

Đất cơ sở tín ngưỡng theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 10,62 ha, kết quả thực hiện 10,72 ha, diện tích thực hiện cao hơn 0,10 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:*

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 2.519,85 ha, kết quả thực hiện là 2.537,24 ha, diện tích thực hiện cao hơn 17,38 ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do nhiều dự án có sử dụng vào đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện nên diện tích còn lại cao hơn so với kế hoạch được phê duyệt.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng:*

Đất có mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 1.110,75 ha, kết quả thực hiện là 1.114,15 ha, diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được phê duyệt là 3,40 ha.

- *Đất phi nông nghiệp khác:*

Đất phi nông nghiệp khác theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 1,95 ha, kết quả thực hiện là 2,10 ha, diện tích thực hiện cao hơn 0,15 ha so với kế hoạch được phê duyệt, nguyên nhân do dự án Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Vạn Ninh lấy vào đất phi nông nghiệp khác đang trong quá trình thực hiện.

\* Diện tích các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đều thực hiện đạt thấp hơn các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được phê duyệt nguyên nhân do nhiều công trình dự án trong kỳ kế hoạch 2023 vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện, dẫn đến việc thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng để sử dụng vào cho mục đích phi nông nghiệp là chưa hoàn thành, do đó mà chỉ tiêu các loại đất phi nông nghiệp đều đạt thấp.

### 2.1.1.3. Đất chưa sử dụng:

Theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng của thành phố Móng Cái là 5.420,13 ha, kết quả thực hiện là 5.795,32 ha, diện tích thực hiện cao hơn 375,19 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhiều dự án lấy vào đất chưa sử dụng để sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện như: Khu dân cư đô thị mới tại Km5, P.Hải Yên; Khu đô thị Mới Hải Yên; Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Dự án Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh thuộc cụm cảng quốc tế Vạn Gia mở rộng tại xã Vạn Ninh; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái....

### 2.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2023 của thành phố Móng Cái như sau:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích đã chuyển MD (ha)	Tỷ lệ %
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>903,37</b>	<b>23,26</b>	<b>2,57</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	206,79	7,57	<b>3,66</b>
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	172,73	6,78	<b>3,93</b>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	45,30	2,29	<b>5,05</b>
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	118,40	7,44	<b>6,28</b>
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	69,43	4,40	<b>6,33</b>
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	207,66		
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	255,79	1,57	<b>0,61</b>
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	<b>0,00</b>		
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất</b>		<b>9,48</b>		

	<b>trong nội bộ đất nông nghiệp</b>				
2.1	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN			
2.2	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng rừng	LUA/LNP			
2.3	Đất trồng lúa chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	3,07		
2.4	Đất trồng lúa chuyên sang đất làm muối	LUA/LMU			
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	4,15		
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyên sang đất làm muối	HNK/LMU			
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyên sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR(a)	0,78		
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyên sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR(a)			
2.9	Đất rừng sản xuất chuyên sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR(a)	1,49		
	<i>Trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>			
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>29,78</b>	<b>0,73</b>	<b>2,45</b>

### **2.1.2.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:**

Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 903,37 ha, kết quả thực hiện chuyển 23,26 ha, đạt 2,57 %, trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa chuyên sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 206,79 ha, kết quả thực hiện chuyển 7,57 ha, đạt 3,66 %.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước chuyên sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 172,73 ha, kết quả thực hiện chuyển 6,78 ha, đạt 3,93%.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác chuyên sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 45,30 ha, kết quả thực hiện chuyển 2,29 ha, đạt 5,05 %.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyên sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 118,40 ha, kết quả thực hiện chuyển 7,44 ha, đạt 6,28 %.

- Diện tích đất rừng phòng hộ chuyên sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 69,43 ha, kết quả thực hiện chuyển 4,40 ha, đạt 6,33 %.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản chuyên sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 255,79 ha, đã thực hiện chuyển 1,57 ha đạt 0,61 %.

Nguyên nhân trong năm kế hoạch một số công trình, dự án lấy vào đất nông nghiệp nhưng do nhiều lý do nên chưa triển khai theo đúng kế hoạch đề ra, vẫn đang trong quá trình thực hiện như: Khu công nghiệp Hải Yên; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Ninh Dương (Dự án kho hàng hóa và xưởng); Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa, các khu đô thị, khu tái định cư và đường ven biển...

### **2.1.2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp là 9,48 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch duyệt là 3,07 ha, chưa thực hiện được.
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch duyệt là 4,15 ha, chưa thực hiện được.
- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng theo kế hoạch duyệt là 0,78 ha, chưa thực hiện được.
- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng theo kế hoạch duyệt là 1,49 ha, chưa thực hiện được.

Nguyên nhân trong năm kế hoạch chưa thực hiện được do một số công trình, dự án chưa triển khai theo đúng kế hoạch đề ra: Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Quảng Nghĩa; Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm phường Ninh Dương.

### **2.1.2.3. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở:**

Theo kế hoạch năm 2023 chuyển đổi 29,78 ha đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở, đã thực hiện chuyển 0,73 ha đạt 2,45 %. Nguyên nhân trong năm kế hoạch có nhiều dự án vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện chưa hoàn thành dẫn đến việc thu hồi chuyển mục đích chưa thực hiện.

### **2.1.3. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

\* Đất nông nghiệp diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 870,17 ha, kết quả thực hiện thu hồi 23,26 ha đạt 2,67 %, cụ thể:

- Đất trồng lúa: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 205,07 ha, kết quả thực hiện thu hồi 7,57 ha đạt 3,69 %.

*Trong đó:*

+ Đất chuyên trồng lúa nước: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 172,69 ha, kết quả thu hồi 6,78 ha đạt 3,93 %.

- Đất trồng cây hàng năm khác: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 38,56 ha, kết quả thu hồi 2,29 ha đạt 5,94 %.

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 98,54 ha, kết quả thu hồi 7,44 ha đạt 7,55 %.

- Đất rừng phòng hộ: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 69,43 ha, kết quả thu hồi 4,40 ha đạt 6,33 %.

- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 250,90 ha, kết quả thu hồi 1,57 ha đạt 0,62 %.

\* Đất phi nông nghiệp diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 188,17 ha, kết quả thu hồi 8,88 ha đạt 4,72 % so với kế hoạch được duyệt, cụ thể:

- Đất Quốc phòng: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 6,67 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 9,06 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 10,04 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 1,57 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 41,84 ha, kết quả thu hồi 1,19 ha đạt 2,84 %.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 0,35 ha, kết quả thu hồi 0,09 ha đạt 25,82 %.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 3,21 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất ở tại nông thôn: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 8,93 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất ở tại đô thị: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 64,85 ha, kết quả thu hồi 7,60 ha đạt 11,72 %.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 0,07 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 0,02 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất tín ngưỡng: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 0,09 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 16,38 ha, chưa thực hiện thu hồi.

- Đất có mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch được duyệt là 5,97 ha, chưa thực hiện thu hồi.

#### **2.1.4. Đánh giá kết quả thực hiện việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích:**

\* Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt là 6,16 ha, năm 2023 chưa thực hiện do vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

\* Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt là 540,84 ha, đã thực hiện 0,72 ha, đạt 0,13 %, trong đó:

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích quốc phòng theo kế hoạch phê duyệt là 0,32 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích an ninh theo kế hoạch phê duyệt là 0,09 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích khu công nghiệp theo kế hoạch phê duyệt là 38,22 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích cụm công nghiệp theo kế hoạch phê duyệt là 7,75 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích thương mại dịch vụ theo kế hoạch phê duyệt là 334,47 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích sản xuất phi nông nghiệp theo kế hoạch phê duyệt là 2,46 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm theo kế hoạch phê duyệt là 93,90 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phát triển hạ tầng theo kế hoạch phê duyệt là 50,38 ha, kết quả thực hiện 0,07 ha đạt 0,13 %.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích khu vui chơi, giải trí công cộng theo kế hoạch phê duyệt là 2,21 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất ở tại nông thôn theo kế hoạch phê duyệt là 0,18 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất ở tại đô thị theo kế hoạch phê duyệt là 9,85 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích xây dựng trụ sở cơ quan theo kế hoạch phê duyệt là 0,85 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp theo kế hoạch phê duyệt là 0,13 ha, chưa thực hiện.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất có mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch phê duyệt là 0,03 ha, chưa thực hiện.

Nhìn chung kết quả chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, chuyển đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm kế hoạch 2023 đạt chưa cao do: nhiều công trình trong năm kế hoạch 2023 đăng ký nhưng không có điều kiện thực hiện do các nhà đầu tư khó khăn về vốn, thay đổi chủ đầu tư, điều chỉnh quy hoạch, đang hoàn thiện các thủ tục xin thuê đất, có những công trình kéo dài chưa hoàn thiện...

## **2.2. Đánh giá những nguyên nhân và tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Nhìn chung việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thành phố Móng Cái đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất vẫn còn tồn tại đó là:

Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ chưa thực hiện được theo đúng kế hoạch đã đề ra. Một số chỉ tiêu như: đất khu công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, các khu đô thị, khu dân cư... chưa thực hiện được. Bên cạnh đó một số dự án, công trình đã giải phóng mặt bằng xong nhưng chưa có hồ sơ giao đất, cho thuê đất hoặc chưa có vốn gây ảnh hưởng đến quá trình thi công.

Kết quả thực hiện chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đạt rất thấp so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đất phi nông nghiệp thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục các công trình, dự án đầu tư đưa vào kế hoạch, nhất là các dự án sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại thường không thể chính xác và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường nên kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh liên tục làm kéo dài thời gian lập và hoàn chỉnh hồ sơ.

Các dự án đầu tư còn phụ thuộc vào các nhà đầu tư. Một số chủ dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn mang tính chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư, về nguồn vốn lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết, yêu cầu về bố trí trước các khu tái định cư nên không đủ điều kiện để được giao đất, thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phức tạp và chặt chẽ là nguyên nhân làm cho các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện các dự án đấu giá quyền sử dụng đất và các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đạt thấp. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm thường chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước...(hiện nay đang thực hiện những giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cắt giảm ngân sách các dự án thông thường chỉ tập trung bố trí vốn cho một số dự án công trình cấp bách của xã hội) dẫn đến một số dự án, công trình không triển khai thực hiện được.

Công tác quản lý tài nguyên - môi trường chưa được quan tâm đúng mức, nhất là công tác quản lý đất đai, việc sử dụng đất không theo kế hoạch còn diễn ra ở một số xã, phường. Công tác theo dõi thực hiện kế hoạch được phê duyệt còn chưa được quan tâm đặc biệt là cấp xã, phường.

### **III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

Căn cứ luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Căn cứ thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/2/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số: 3750/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Móng Cái.

#### **3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất**

*(Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh chưa thực hiện xong nên các chỉ tiêu phân bổ của kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh chưa xác định được).*



Phụ biểu 01: So sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái với chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 đã được phê duyệt như sau:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD năm 2024	QĐ 3750 ngày 4/122/2023 của UBND tỉnh	So sánh	
					tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)=(4)/(5)*100%
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>52.016,36</b>	<b>52.527,00</b>	<b>-510,64</b>	<b>99,03</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>37.367,85</b>	<b>39.116,00</b>	<b>-1.748,15</b>	<b>95,53</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.980,83	2.318,00	662,83	128,59
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.625,04</i>	<i>1.927,00</i>	<i>-301,96</i>	<i>84,33</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	945,96	539,68	406,28	175,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.670,44	1.310,00	360,44	127,51
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	15.077,48	13.793,00	1.284,48	109,31
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.255,65	11.682,00	1.573,65	113,47
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.428,62	8.281,33	-4.852,71	41,40
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	8,88	1.191,99	-1.183,12	0,74
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>9.308,87</b>	<b>13.035,00</b>	<b>-3.726,13</b>	<b>71,41</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	323,40	443,00	-119,60	73,00
2.2	Đất an ninh	CAN	6,65	33,00	-26,35	20,16
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	117,81	382,00	-264,19	30,84
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		201,00	-201,00	0,00
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	409,34	2.136,00	-1.726,66	19,16
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	219,04	235,00	-15,96	93,21
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	204,87	685,32	-480,45	29,89
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.425,98	4.428,29	-1.002,31	77,37
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>2.333,44</i>	<i>2.899,00</i>	<i>-565,56</i>	<i>80,49</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>503,05</i>	<i>319,00</i>	<i>184,05</i>	<i>157,70</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>18,90</i>	<i>40,00</i>	<i>-21,10</i>	<i>47,25</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>8,47</i>	<i>52,00</i>	<i>-43,53</i>	<i>16,30</i>

-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	84,33	125,00	-40,67	67,46
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	131,87	356,00	-224,13	37,04
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,58	17,00	-14,42	15,19
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,47	1,00	0,47	146,61
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	0,24	0,24	0,00	100,71
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	72,97	79,00	-6,03	92,37
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,12	15,00	-2,88	80,80
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	240,83	510,00	-269,17	47,22
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,04	0,04	0,00	92,27
-	Đất chợ	DCH	15,67	15,00	0,66	104,42
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,68	8,76	4,92	156,17
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	61,93	361,59	-299,66	17,13
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	330,66	288,00	42,66	114,81
2.14	Đất ở đô thị	ODT	465,66	1.362,00	-896,34	34,19
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	56,55	149,00	-92,45	37,95
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,78	1,00	-0,22	78,16
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,72	12,42	-1,70	86,32
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.547,55	1.266,32	1.281,23	201,18
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.112,30	1.041,27	71,03	106,82
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,95	1,05	0,90	186,39
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>5.339,64</b>	<b>376,00</b>	<b>4.963,64</b>	<b>1420,12</b>

Phụ biểu 02: So sánh diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2023 với diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Móng Cái

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2023	Diện tích KHSDĐ năm 2024	So sánh	
					tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100 %
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>51.979,10</b>	<b>52.016,36</b>	<b>37,26</b>	<b>100,07</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>38.017,32</b>	<b>37.367,85</b>	<b>-649,47</b>	<b>98,29</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.162,56	2.980,83	-181,73	94,25
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.772,92</i>	<i>1.625,04</i>	<i>-147,88</i>	<i>91,66</i>
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>	<i>1.389,64</i>	<i>1.355,79</i>	<i>-33,85</i>	<i>97,56</i>
	<i>Đất trồng lúa nương</i>	<i>LUN</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	993,38	945,96	-47,42	95,23
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.784,04	1.670,44	-113,60	93,63
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	15.142,78	15.077,48	-65,30	99,57
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.356,05	13.255,65	-100,40	99,25
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.569,63	3.428,62	-141,01	96,05
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	8,88	8,88	0,00	99,98
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8.166,46</b>	<b>9.308,87</b>	<b>1.142,40</b>	<b>113,99</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	265,27	323,40	58,13	121,92
2.2	Đất an ninh	CAN	5,35	6,65	1,30	124,31
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	79,59	117,81	38,22	148,03
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	345,12	409,34	64,22	118,61
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	126,86	219,04	92,18	172,66
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	194,07	204,87	10,80	105,57
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.677,05	3.425,98	748,93	127,98
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.613,25</i>	<i>2.333,44</i>	<i>720,19</i>	<i>144,64</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>511,47</i>	<i>503,05</i>	<i>-8,42</i>	<i>98,35</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>17,42</i>	<i>18,90</i>	<i>1,48</i>	<i>108,52</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>8,36</i>	<i>8,47</i>	<i>0,11</i>	<i>101,35</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>77,09</i>	<i>84,33</i>	<i>7,24</i>	<i>109,39</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>114,21</i>	<i>131,87</i>	<i>17,65</i>	<i>115,46</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>2,50</i>	<i>2,58</i>	<i>0,08</i>	<i>103,25</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,47</i>	<i>1,47</i>		<i>100,00</i>

-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	0,24	0,24		100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	71,36	72,97	1,61	102,26
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	10,77	12,12	1,35	112,51
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng	NTD	237,13	240,83	3,70	101,56
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,04	0,04		100,00
-	Đất chợ	DCH	11,74	15,67	3,93	133,51
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,86	13,68	0,82	106,40
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	28,26	61,93	33,66	219,10
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	318,93	330,66	11,73	103,68
2.14	Đất ở đô thị	ODT	411,42	465,66	54,24	113,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	36,69	56,55	19,86	154,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,80	0,78	-0,02	97,68
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,72	10,72		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.537,24	2.547,55	10,31	100,41
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.114,15	1.112,30	-1,85	99,83
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,10	1,95	-0,15	92,95
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>5.795,32</b>	<b>5.339,64</b>	<b>-455,67</b>	<b>92,14</b>

### 3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực:

(Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố)

Các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được đăng ký mới theo nhu cầu sử dụng đất của các ngành lĩnh vực. Bao gồm 7 dự án, công trình sau:

ST T	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất Quốc phòng	Phường Hải Yên	CQP	3,46
2	Đất Quốc phòng	Phường Hải Hoà	CQP	3,00
3	Hạ tầng điểm dân cư khu Cửa Điền	Phường Ninh Dương	DGT, DKV, ODT	1,12
4	Chống quá tải các trạm Biến áp, xây dựng xuất tuyến trung áp và cải tạo lưới điện khu vực thành phố Móng Cái năm 2024	Xã Hải Xuân, P.Hải Yên, P. KaLong, P.Hoà Lạc, P.Hải Hoà, P. Ninh Dương	DNL	0,16

5	Cải tạo đường dây 471 E5.7 Nối lưới với xuất tuyến 490 E5.7 Cấp điện cho khu vực phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên, Phường Ninh Dương	DNL	0,13
6	Khai thác cát làm vật liệu san lấp tại phường Bình Ngọc (1.41ha luồng đầu nổi).	Phường Bình Ngọc	SKX	81,00
7	Nạo vét sông Mẩn Thí, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sau và sông Mẩn Thí) tới cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái	Phường Hải Xuân; Phường Trà Cỏ; Phường Bình Ngọc	SON;	59,92

### 3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất:

(Xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố).

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố, tiếp tục đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2024, cụ thể như sau:

+ **Đất quốc phòng:** có 4 dự án chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Đất Quốc phòng (KH SDD năm 2023 bổ sung: 47,5016 ha)	Xã Hải Đông, Phường Hải Yên	52,35
2	Đất Quốc phòng	Xã Hải Sơn	3,00
3	Đất Quốc phòng	P.Trà Cỏ	3,02
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cỏ	Phường Trà Cỏ	0,04

+ **Đất an ninh:** có 14 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long thành phố Móng Cái	Phường Ka Long	0,09
2	Trụ sở Công an xã Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn	0,17
3	Trụ sở Công an xã Hải Sơn	Xã Hải Sơn	0,16

4	Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa	Xã Quảng Nghĩa	0,21
5	Trụ sở Công an xã Hải Tiến	Xã Hải Tiến	0,22
6	Trụ sở Công an xã Hải Đông	Xã Hải Đông	0,28
7	Trụ sở Công an xã Hải Xuân	Xã Hải Xuân	0,20
8	Trụ sở Công an xã Vạn Ninh	Xã Vạn Ninh	0,15
9	Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	0,24
10	Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực	Xã Vĩnh Thực	0,25
11	Trụ sở làm việc công an thành phố Móng Cái	Phường Hải Hòa	4,32
12	Trụ sở Công an phường Hải Yên (đưa vào triển khai thực hiện thủ tục xin giao đất và cấp GCNQSDĐ)	Phường Hải Yên	0,45
13	Trụ sở Công an phường Hải Hòa (đưa vào triển khai thực hiện thủ tục xin giao đất và cấp GCNQSDĐ)	Phường Hải Hoà	0,34
14	Trụ sở Công an phường Bình Ngọc (đưa vào triển khai thực hiện thủ tục xin giao đất và cấp GCNQSDĐ)	Phường Bình Ngọc	0,38

+ **Đất khu công nghiệp:** có 1 dự án được chuyển sang kế hoạch năm 2024 là: Khu công nghiệp Hải Yên (GD 4 + GD 5 + Phần còn lại)

+ **Đất ở tại nông thôn:** có 11 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phủ, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 1, từ đầu đường bê tông vào bản Hợp Long).	Xã Bắc Sơn	0,38
2	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 4A).	Xã Bắc Sơn	0,67
3	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 4B).	Xã Bắc Sơn	0,47
4	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 5, từ ngã 3 xóm Đồi Tây đến nhà ông Mả).	Xã Hải Sơn	0,24
5	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 6A, cạnh cây xăng Hải Sơn).	Xã Hải Sơn	0,66

6	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 6B, cạnh cây xăng Hải Sơn).	Xã Hải Sơn	0,24
7	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 7, thôn Thán Phún, xã Hải Sơn).	Xã Hải Sơn	0,40
8	Điểm tái định cư xóm Vạn Xuân, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	Xã Hải Xuân	0,47
9	Điểm Quy hoạch tại khu vực hai bên đường ra đê hàn, thôn 3, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	Xã Vĩnh Trung	0,43
10	Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 5)	Xã Vĩnh Thực	0,47
11	Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 7)	Xã Vĩnh Thực	0,61

+ **Đất ở tại đô thị** : có 21 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Khu dân cư đô thị mới tại Km5, P.Hải Yên (khu đô thị Bao Bì tổng dự án 28,93 ha, Đã giao đất giai đoạn 1 năm 2019 với diện tích: 20,10 ha)	Phường Hải Yên	8,82
2	Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng)	Phường Hải Yên	7,93
3	Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hải Yên	9,23
4	Đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn phường Hải Yên	Phường Hải Yên	4,43
5	Khu nhà ở xã hội tại phường Hải Yên	Phường Hải Yên	11,60
6	Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Phường Ninh Dương	9,06
7	Khu tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	10,69
8	Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	2,15
9	Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	0,51

10	Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	5,37
11	Khu dân cư khu Thượng Trung phường Ninh Dương	Phường Ninh Dương	7,13
12	Đất ở tái định cư và nhà ở xã hội phục vụ một số dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Móng Cái	Phường Hải Hòa	6,14
13	Khu dân cư Bắc đại lộ Hòa Bình	Các phường: Phường Hải Hòa, Phường Trần Phú	9,53
14	Khu Đô Thị tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (GD 2)	Phường Hải Hòa	31,53
15	Khu đô thị trung tâm phường Hải Hòa thuộc khu đô thị thương mại dịch vụ thể dục thể thao Hải Hòa tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái (phân khu 1)	Phường Hải Hòa	45,63
16	Khu đô thị thể dục thể thao thành phố Móng Cái thuộc khu đô thị thương mại dịch vụ thể dục thể thao Hải Hòa tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái (phân khu 2)	Phường Hải Hòa	42,93
17	Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân	Xã Hải Xuân	11,61
18	Điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	Xã Hải Xuân	12,35
19	Dự án tái định cư Lô - X tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên	0,44
20	Dự án Tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên	0,15
21	Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1)	Các phường: Phường Hải Yên, Phường Ninh Dương	40,62

+ **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** có 2 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại (GD 1)	Phường Hải Hòa	20,30
2	Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hải Hòa	0,61



+ **Đất cơ sở tôn giáo:** có 1 dự án, công trình chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là: Dự án phục hồi di tích chùa Linh Sơn, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh: 5,77 ha.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** có 2 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Bãi đổ vật liệu thải dự án: Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia), thành phố Móng Cái	Xã Vạn Ninh	1,61
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn và chôn lấp rác tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Xã Quảng Nghĩa	21,84

+ **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng** có 1 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là: Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái 26,71 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** có 6 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Trường Mầm Non Hải Yên	Phường Hải Yên	0,86
2	Trường Mầm Non Hải Yên, thành phố Móng Cái (giai đoạn 1)	Phường Hải Yên	0,77
3	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	Phường Ninh Dương	0,94
4	Trường THCS Bình Ngọc, thành phố Móng Cái	Phường Bình Ngọc	1,33
5	Trường Cao đẳng nghề mở Hồng Cẩm - TKV tại phường Hải Yên	Phường Hải Yên	11,44
6	Khu đất mẫu giáo thuộc khu dân cư đô thị phía Bắc khách sạn Hồng Vân và Ngã ba Xoáy Nguồn, phường Ka Long	Phường Ka Long	0,63

+ **Đất giao thông**: có 9 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Giai đoạn 2	Các xã: Xã Bắc Sơn, Xã Hải Sơn	32,27
2	Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái	Xã Quảng Nghĩa, Xã Hải Tiến, Xã Hải Đông, Phường Hải Yên, Phường Ninh Dương, Xã Hải Xuân, Phường Hải Hòa	191,62
3	Điều chỉnh bổ sung hạng mục đường đầu nối và cầu vượt ngang dự án đường Cao tốc Tiên Yên - Móng Cái	Các xã, phường: Xã Quảng Nghĩa, Xã Hải Tiến, Xã Hải Xuân, Phường Hải Yên, Phường Ninh Dương	4,01
4	Xây dựng kè bảo vệ khu vực cột mốc 1348(2)+150m đến mốc 1348(2)+950m và khu vực cột mốc 1352(2)+200m đến 1352(2)+700m thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Các xã: Xã Bắc Sơn, Xã Hải Sơn	6,90
5	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	Xã Quảng Nghĩa	3,47
6	Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia), thành phố Móng Cái	P. Ninh Dương, Xã Vạn Ninh	19,56
7	Cải tạo sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái (Đoạn từ Ngã ba ông Thái đến dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ)	Phường Trà Cỏ	3,98
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bên Cái Vĩnh và bên Cái Chàm, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	2,61
9	Dự án Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh thuộc cụm cảng quốc tế Vạn Gia mở rộng tại xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái (giao đất lần 1 giai đoạn 1 là: 14,6096 ha; giao đất lần 2 giai đoạn 1 là: 18,20918 Ha).	Xã Vạn Ninh	400,00

+ **Đất thủy lợi:** có 2 dự án được chuyển sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	3,63
2	Hồ chứa nước Đầm Ván	Xã Vĩnh Thực	8,46

+ **Đất công trình năng lượng:** có 2 dự án, công trình chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Nhà trực vận hành điện số 2 TP.Móng Cái	Phường Trà Cổ	0,03
2	Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.	Xã Vĩnh Thực	0,06

+ **Đất chợ:** có 4 dự án, công trình chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Chợ Nông thôn	Xã Bắc Sơn	1,02
2	Chợ truyền thống, kho bảo quản, bãi tập kết hàng hóa, khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm Ocop	Xã Hải Đông	2,90
3	Chợ nông thôn mới	Xã Vạn Ninh	0,44
4	Chợ ASEAN, tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	Phường Hải Hòa	0,74

+ **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** có 4 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Nhà máy chế biến cát đen (quặng TITAN)	Xã Quảng Nghĩa	4,20
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Ninh Dương (Dự án kho hàng hóa và xưởng)	Phường Ninh Dương	1,93
3	Khu bến cảng, kho bãi hàng hóa và vật liệu xây dựng tại phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	6,05
4	Khu xử lý nước, cấp nước cho Khu công nghiệp Hải Yên và khu dân cư lân cận tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên	0,95

+ **Đất thương mại dịch vụ:** có 8 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Khu phức hợp đô thị, công viên cây xanh kết hợp thương mại, dịch vụ	Xã Hải Xuân	29,79
2	Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	Phường Hải Hòa	181,36
3	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu 7	Phường Hải Yên	0,20
4	Cửa hàng xăng dầu tại khu 7, phường Hải Yên	Phường Hải Yên	0,25
5	Cửa hàng xăng dầu Nam cầu Máng tại xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	Xã Hải Xuân	0,25
6	Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái.	Phường Hải Yên	10,15
	Mở rộng khu bên bãi KM3 +Km4 sông Ka Long	Phường Hải Yên	48,70
7	Khu dịch vụ thương mại	Phường Hải Hòa	0,11

+ **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** có 1 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Mở khai thác đất phục vụ san lấp mặt bằng thi công các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Móng Cái giai đoạn trung hạn 2021-2025 (mỏ số 11). Cho thuê đất đợt 1 diện tích S= 300.043,8m <sup>2</sup> .	Xã Quảng Nghĩa	42,38

+ **Đất nuôi trồng thủy sản:** có 5 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Quảng Nghĩa	Xã Quảng Nghĩa	138,85
2	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Hải Đông	Xã Hải Đông	81,06
3	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Hải Xuân	Xã Hải Xuân	94,68
4	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Vạn Ninh.	Xã Vạn Ninh	39,77
5	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm phường Ninh Dương.	Phường Ninh Dương	33,20

### 3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

#### 3.2.2.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

##### a) Đất nông nghiệp:

Để đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như ngành nông nghiệp của thành phố nói riêng. Trên cơ sở nhu cầu đề xuất sử dụng đất của tổ chức cũng như trong quá trình điều tra thực tế thì đến cuối năm 2024 nhu cầu sử dụng vào đất nông nghiệp của các tổ chức trên địa bàn thành phố Móng Cái là 657,37 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp.

##### b) Đất phi nông nghiệp:

Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2024 của các tổ chức trên địa bàn thành phố tăng 1.106,88 ha cụ thể tăng vào các chỉ tiêu sau:

##### \* Đất Quốc phòng

Đất quốc phòng trong năm 2023 có 265,27 ha, năm 2024 là 323,40 ha thực tăng 58,13 ha (tăng 64,44 ha; giảm 6,31 ha). Diện tích không thay đổi mục đích

sử dụng so với hiện trạng là 258,96 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án, công trình: Đất Quốc phòng tại xã Hải Đông và phường Hải; Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ; Đất Quốc phòng tại xã, phường: Hải Sơn, phường Trà Cổ, Hải Yên, Hải Hoà.

**\* Đất an ninh**

Đất an ninh năm 2023 có 5,35 ha, năm 2024 là 6,65 ha, nhu cầu sử dụng đất so với hiện trạng tăng thêm 1,30 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 5,35 ha. Diện tích tăng thêm để xây dựng các dự án: Trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long; Trụ sở Công an các xã, phường: xã Bắc Sơn, xã Hải Sơn, xã Quảng Nghĩa, xã Hải Tiến, xã Hải Đông, xã Hải Xuân, xã Vạn Ninh, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Thực, Trụ sở làm việc công an thành phố Móng Cái tại phường Hải Hòa.

**\* Đất khu công nghiệp**

Đất khu công nghiệp năm 2023 có 79,59 ha, đến năm 2024 là 117,81 ha, nhu cầu sử dụng cho đất khu công nghiệp tăng thêm 38,22 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 79,59 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hải Yên (GD 4 + GD 5 + Phần còn lại).

**\* Đất thương mại, dịch vụ**

Đất thương mại dịch vụ năm 2023 có 345,12 ha, đến năm 2024 là 409,34 ha, nhu cầu sử dụng đất cho mục đích thương mại dịch vụ so với hiện trạng thực tăng 29,89 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 336,05 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án, công trình: Cửa hàng xăng dầu Nam cầu Máng tại xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái; Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu 7, phường Hải Yên; Khu dịch vụ thương mại tại phường Hải Hoà.

**\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2023 có 126,86 ha, đến năm 2024 là 219,04 ha, nhu cầu sử dụng đất so với hiện trạng (tăng thêm 97,22 ha; giảm 5,04 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 121,82 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án, công trình: Nhà máy chế biến cát đen (quặng TITAN) tại xã Quảng Nghĩa; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Ninh Dương (Dự án kho hàng hóa và xưởng); Khu bến cảng, kho bãi hàng hóa và vật liệu xây dựng tại phường Ninh Dương; Khu xử lý nước, cấp nước cho Khu công nghiệp Hải Yên và khu dân cư lân cận tại phường Hải Yên.

**\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2023 có 194,07 ha, đến năm 2024 là 204,87 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trên địa bàn thành phố năm 2024 (tăng 12,38 ha; giảm 1,57 ha). Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án sau: Diêm khai thác đất phục vụ thi công dự án đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái thuộc địa bàn thành phố Móng Cái (điểm số 11); Khai thác cát làm vật liệu san lấp tại phường Bình Ngọc (1.41ha luồng đầu nối).

**\* Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Đất phát triển hạ tầng năm 2023 có 2.669,15 ha, đến năm 2024 là 3.418,08 ha, nhu cầu dành cho đất phát triển hạ tầng trên địa bàn thành phố đến năm 2024 thực tăng 746,00 ha. Cụ thể như sau:

**+ Đất giao thông**

Đất giao thông năm 2023 có 1.613,25 ha, đến năm 2024 là 2.333,44 ha, nhu cầu dành cho đất giao thông trên địa bàn thành phố đến năm 2024 thực tăng 717,60 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Giai đoạn 2; Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Điều chỉnh bổ sung hạng mục đường đầu nối và cầu vượt ngang dự án đường Cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Xây dựng kè bảo vệ khu vực cột mốc 1348(2)+150m đến mốc 1348(2)+950m và khu vực cột mốc 1352(2)+200m đến 1352(2)+700m; Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa; Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Cải tạo sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cổ (Đoạn từ Ngã ba ông Thái đến dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cổ); Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Chàm, xã Vĩnh Trung; Dự án Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh thuộc cụm cảng quốc tế Vạn Gia mở rộng tại xã Vạn Ninh, giao đất lần 1 giai đoạn 1 là: 14,6096 ha; giao đất lần 2 giai đoạn 1 là: 18,20918 Ha).

**+ Đất thủy lợi**

Đất thủy lợi năm 2023 có 511,47 ha, đến năm 2024 là 503,05 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất thủy lợi trên địa bàn thành phố đến năm 2024 (tăng 5,67 ha; giảm 14,09 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 490,62 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án: Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái; Hồ chứa nước Đàm Ván tại xã Vĩnh Thục.

**+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa**

Đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2023 có 17,42 ha, đến năm 2024 là 18,90 ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2024 thực tăng 1,48 ha (tăng 1,53 ha; giảm 0,04 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 17,37 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình đất văn hóa nằm trong các dự án khu đô thị và khu tái định cư .

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Đất cơ sở y tế năm 2023 có 8,36 ha, đến năm 2024 là 8,47 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất cơ sở y tế đến năm 2024 tăng 0,38 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 8,09 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình, dự án có đất xây dựng cơ sở y tế như: Khu phức hợp đô thị, công viên cây xanh kết hợp thương mại, dịch vụ.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2023 có 77,09 ha, đến năm 2024 là 84,33 ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2024 (tăng 10,49 ha; giảm 3,25 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 73,84 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình như: Trường Mầm Non Hải Yên; Trường THCS Bình Ngọc; Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương; Trường Cao đẳng nghề mở Hồng Cẩm - TKV tại phường Hải Yên; Khu đất mẫu giáo thuộc khu dân cư đô thị phía Bắc khách sạn Hồng Vân và Ngã ba Xoáy Nguồn, phường Ka Long và đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong các dự án khu đô thị và khu tái định cư .

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2023 có 114,21 ha, đến năm 2024 là 131,87 ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2024 thực tăng 17,65 ha (tăng 18,14 ha; giảm 0,49 ha), diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 113,73 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình, dự án: Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; Khu đô thị mới Ninh Dương...

+ **Đất công trình năng lượng**

Đất công trình năng lượng năm 2023 có 2,50 ha, đến năm 2024 là 2,58 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất công trình năng lượng trên địa bàn thành phố đến năm 2024 thực tăng 0,08 ha (tăng 0,10 ha; giảm 0,02 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 2,48 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án: Nhà trực vận hành điện số 2 TP.Móng Cái, tại phường Trà Cổ; Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, tại xã Vĩnh Thực

+ **Đất công trình bưu chính, viễn thông**



Đất công trình bưu chính, viễn thông năm 2023 có 1,47 ha, đến năm 2024 là 1,47 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất bưu chính viễn thông trên địa bàn thành phố đến năm 2024 không có nhu cầu mở rộng.

**+ Đất di tích lịch sử văn hóa**

Đất di tích lịch sử văn hóa năm 2023 có 0,24 ha, đến năm 2024 là 0,24 ha. Năm 2024 đất di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn thành phố không có nhu cầu mở rộng.

**+ Đất bãi thải, xử lý chất thải**

Đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2023 có 71,36 ha, đến năm 2024 là 72,97 ha, nhu cầu dành cho đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2024 tăng 1,27 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 71,36 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình sau: Bãi đổ vật liệu thải dự án: Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Nhà máy xử lý chất thải rắn và chôn lấp rác tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

**+ Đất cơ sở tôn giáo**

Đất cơ sở tôn giáo năm 2023 có 10,77 ha, đến năm 2024 là 12,12 ha, nhu cầu dành cho đất cơ sở tôn giáo đến năm 2024 tăng thêm 1,35 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,77 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án phục hồi di tích chùa Linh Sơn, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

**+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**

Đất làm nghĩa trang nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2023 có 237,13 ha, đến năm 2024 là 240,83 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trên địa bàn thành phố đến năm 2024 (tăng 13,31 ha; giảm 9,61 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 227,52 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái.

**+ Đất cơ sở dịch vụ về xã hội**

Đất cơ sở dịch vụ về xã hội năm 2023 có 0,04 ha, đến năm 2024 đất cơ sở dịch vụ về xã hội không có nhu cầu mở rộng.

**+ Đất chợ**

Đất chợ năm 2023 có 11,74 ha, đến năm 2024 là 15,67 ha, nhu cầu dành cho đất chợ đến năm 2024 thực tăng 3,93 ha (tăng 4,36 ha; giảm 0,43 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 11,31 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình sau: Chợ nông thôn tại xã Bắc Sơn; Chợ truyền thống, kho

bảo quản, bãi tập kết hàng hóa, khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm Ocop; Chợ nông thôn mới tại xã Vạn Ninh; Chợ ASEAN tại phường Hải Hòa.

**\* Đất sinh hoạt cộng đồng**

Đất sinh hoạt cộng đồng năm 2023 có 12,86 ha, đến năm 2024 là 13,68 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn thành phố năm 2024 thực tăng 0,82 ha (tăng 1,03 ha; giảm 0,20 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 12,65 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình, dự án: Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân ;Điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân; Khu dân cư khu Thượng Trung phường Ninh Dương

...

**\* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2023 có 28,26 ha, đến năm 2024 là 61,93 ha, nhu cầu dành cho đất khu vui chơi, giải trí công cộng đến năm 2024 tăng 36,87 ha. Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 25,05 ha. Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng thêm nằm trong các công trình, dự án: Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn phường Hải Yên; Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương; Khu tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương; Khu dân cư khu Thượng Trung phường Ninh Dương; Đất ở tái định cư và nhà ở xã hội phục vụ một số dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Móng Cái; Khu phức hợp đô thị, công viên cây xanh kết hợp thương mại, dịch vụ; Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Dự án tái định cư Lô - X tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái; Khu đô thị mới Ninh Dương...

**\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2023 có 36,69 ha, đến năm 2024 là 56,55 ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm 2024 thực tăng 19,86 ha (tăng 19,93 ha; giảm 0,06 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 36,62 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Hòa; Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại (GD 1).

**\* Đất xây dựng trụ sở sở của tổ chức sự nghiệp**

Đất xây dựng trụ sở sở của tổ chức sự nghiệp năm 2023 có 0,80 ha, đến

năm 2024 đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 0,78 ha, giảm 0,02 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 0,78 ha.

**\* Đất cơ sở tín ngưỡng**

Đất cơ sở tín ngưỡng năm 2023 có 10,72 ha, đến cuối năm 2024 đất cơ sở tín ngưỡng còn 10,72 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,72 ha.

**\* Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2023 có 2.537,24 ha, đến năm 2024 là 2.547,55 ha, trong năm kế hoạch 2024 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thực tăng 10,31 ha (giảm 16,09 ha, tăng 26,40 ha). Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.521,15 ha.

**\* Đất có mặt nước chuyên dùng**

Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2023 có 1.114,15 ha, đến năm 2024 là 1.112,30 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất có mặt nước chuyên dùng trên địa bàn thành phố năm 2024 thực giảm 1,85 ha (tăng 1,80 ha; giảm 3,65 ha). Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.110,50 ha.

**\* Đất phi nông nghiệp khác**

Đất phi nông nghiệp khác năm 2023 có 2,10 ha, đến cuối năm 2024 đất phi nông nghiệp khác là 1,95 ha, nhu cầu dành cho đất phi nông nghiệp khác trong năm kế hoạch 2024 giảm 0,15 ha. Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1,95 ha.

**3.2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân**

- **Đất trồng lúa:** Năm 2023 đất trồng lúa trên địa bàn thành phố là 3.162,56 ha, đến cuối năm 2024 là 2.980,83 ha, giảm 181,73 ha so với hiện trạng.

Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa nước năm 2023 là 1.772,92 ha, đến cuối năm 2024 là 1.625,04 ha, giảm 147,88 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1.625,04 ha.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Năm 2023 là 993,38 ha, đến cuối năm 2024 là 945,96 ha, giảm 47,42 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 945,96 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Năm 2023 là 1.784,04 ha, đến cuối năm 2024 là 1.670,44 ha, giảm 113,60 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1.670,44 ha.

- **Đất rừng phòng hộ:** Năm 2023 có 15.142,78 ha, đến cuối năm 2024 là

15.077,48 ha, giảm 65,30 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 15.077,48 ha.

- **Đất rừng sản xuất:** Năm 2023 là 13.356,05 ha, đến cuối năm 2024 là 13.255,65 ha, giảm 100,40 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 13.255,65 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Năm 2023 có 3.569,63 ha, đến cuối năm 2024 là 3.428,62 ha, nhu cầu dành cho đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố năm 2024 thực giảm 141,01 ha (tăng 26,97 ha, giảm 167,97 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 3.401,65 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** Năm 2023 có 8,88 ha, đến năm 2024 là 8,88 ha.

Năm 2024 đất nông nghiệp khác trên địa bàn thành phố không có nhu cầu mở rộng.

- **Đất ở tại nông thôn:**

Năm 2023, kế hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn có 318,93 ha, đến năm 2024 là 330,66 ha, đất ở tại nông thôn có nhu cầu tăng 11,73 ha (tăng 21,02 ha, giảm 9,30 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 309,64 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án: Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phủ, xã Bắc Sơn; Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn; Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn; Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún xã, xã Hải Sơn; Điểm Quy hoạch tại khu vực hai bên đường ra đê hàn, thôn 3, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái; Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 5); Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 7); Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở của các xã.

- **Đất ở tại đô thị:**

Năm 2023, kế hoạch đất ở đô thị có 411,42 ha, đến năm 2024 là 465,66 ha, nhu cầu dành cho đất ở đô thị trên địa bàn thành phố năm 2024 thực tăng 54,24 ha (tăng 105,68 ha, giảm 51,44 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 359,98 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án: Khu dân cư đô thị mới tại Km5, P.Hải Yên; Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương; Khu tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương; Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ, phường Ninh Dương; Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương; Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hạ Long, phường

Ninh Dương; Khu dân cư khu Thượng Trung phường Ninh Dương; Khu dân cư Bắc đại lộ Hòa Bình; Khu Đô Thị tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (GD 2); Khu đô thị trung tâm phường Hải Hòa thuộc khu đô thị thương mại dịch vụ thể dục thể thao Hải Hòa tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái (phân khu 1); Khu đô thị thể dục thể thao thành phố Móng Cái thuộc khu đô thị thương mại dịch vụ thể dục thể thao Hải Hòa tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái (phân khu 2); Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở các phường Hải Yên, Ninh Dương, Hải Hòa, Bình Ngọc, Trà Cỏ; đất ở tại các khu đô thị ....

### **3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố Móng Cái năm 2023 là 51.979,10 ha, đến năm 2024 là 52.016,36 ha, như vậy trong năm kế hoạch 2024 thành phố Móng Cái sẽ tăng thêm 37,26 ha về diện tích tự nhiên, diện tích tăng thêm được sử dụng từ đất MVK (Đất mặt nước ven biển có mục đích khác). Trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố, do quy hoạch mở rộng đất cơ sở hạ tầng, các khu thương mại và dịch vụ, diện tích tăng thêm do thực hiện các dự án sau:

- Bãi đỗ vật liệu thải dự án: Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia), thành phố Móng Cái tại xã Vạn Ninh.
- Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái
- Dự án Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh thuộc cụm cảng quốc tế Vạn Gia mở rộng tại xã Vạn Ninh.
- Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia), thành phố Móng Cái tại phường Ninh Dương, xã Vạn Ninh.

#### **3.3.1. Nhóm đất nông nghiệp:**

Đất nông nghiệp năm 2023 có 38.017,32 ha, đến năm 2024 là 37.367,85 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 37.359,95 ha, diện tích thực giảm 649,47 ha (tăng 7,90 ha, giảm 657,37 ha) như vậy đến năm 2024 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố chiếm 71,84 % tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

##### **3.3.1.1. Đất trồng lúa:**

Đất trồng lúa năm 2024 không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 181,73 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất trồng lúa năm 2024 là 2.980,83 ha được phân bổ đến

từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 214,79 ha; Hải Sơn 138,85 ha; Quảng Nghĩa 230,28 ha; Hải Tiến 276,48 ha; Hải Đông 230,53 ha; Hải Xuân 345,18 ha; Vạn Ninh 217,26 ha; Vĩnh Trung 171,32 ha; Vĩnh Thực 250,56 ha; Hải Yên 271,31 ha; Ninh Dương 215,20 ha; Hải Hoà 221,85 ha; Trà Cỏ 17,09 ha; Bình Ngọc 180,14 ha.

### **3.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác**

Đất trồng cây hàng năm khác năm 2024 không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 47,42 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2024 là 945,96 ha, dự kiến trong năm 2023 đất trồng cây hàng năm được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 40,49 ha; Hải Sơn 63,18 ha; Quảng Nghĩa 159,25 ha; Hải Tiến 57,20 ha; Hải Đông 156,17 ha; Hải Xuân 21,10 ha; Vạn Ninh 89,27 ha; Vĩnh Trung 50,28 ha; Vĩnh Thực 87,86 ha; Hải Yên 96,19 ha; Ninh Dương 22,28 ha; Hải Hoà 12,20 ha; Trà Cỏ 14,09 ha; Bình Ngọc 76,41 ha.

### **3.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm**

Đất trồng cây lâu năm năm 2024 không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 113,60 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2024 là 1.670,44 ha, dự kiến trong năm 2024 đất trồng cây lâu năm được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 195,94 ha; Hải Sơn 85,69 ha; Quảng Nghĩa 122,34 ha; Hải Tiến 73,07 ha; Hải Đông 127,86 ha; Hải Xuân 130,77 ha; Vạn Ninh 44,28 ha; Vĩnh Trung 40,42 ha; Vĩnh Thực 54,80 ha; Hải Yên 363,34 ha; Ninh Dương 102,78 ha; Ka Long 3,77 ha; Hải Hoà 247,71 ha; Trà Cỏ 26,41 ha; Bình Ngọc 51,28 ha.

### **3.3.1.4. Đất rừng phòng hộ**

Đất rừng phòng hộ trong năm kế hoạch không có nhu cầu tăng thêm, diện tích đất rừng phòng hộ giảm 65,30 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất rừng phòng hộ năm 2024 là 15.077,48 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 2.431,11 ha; Hải Sơn 4.309,24 ha; Quảng Nghĩa 892,57 ha; Hải Tiến 888,65 ha; Hải Đông 962,43 ha; Hải Xuân 74,40 ha; Vạn Ninh 1.772,57 ha; Vĩnh Trung 956,86 ha; Vĩnh Thực 159,12 ha; Hải Yên 865,81 ha; Ninh Dương 13,91 ha; Hải Hoà 1.061,60 ha; Trà Cỏ 510,30 ha; Bình Ngọc 178,92 ha.

### **3.3.1.5. Đất rừng sản xuất**

Đất rừng sản xuất trong năm kế hoạch không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 100,40 ha do chuyển mục đích sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất rừng sản xuất năm 2024 là 13.255,65 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 1.399,21 ha; Hải Sơn 2.902,04 ha; Quảng Nghĩa 3.132,04 ha; Hải Tiến 1.011,09 ha; Hải Đông 1.449,00 ha; Vạn Ninh 8,15 ha; Vĩnh Trung 579,05 ha; Vĩnh Thực 1.004,16 ha; Hải Yên 1.601,40 ha; Ninh Dương 108,15 ha; Trà Cỏ 22,14 ha; Bình Ngọc 39,22 ha.

### **3.3.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản:**

Đất nuôi trồng thủy sản năm 2024 có nhu cầu tăng 26,97 ha từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 3,07 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác 4,15 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 9,58 ha
- + Đất rừng phòng hộ 0,78 ha
- + Đất rừng sản xuất 1,49 ha
- + Đất giao thông 0,39 ha
- + Đất thủy lợi 0,90 ha
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,31 ha
- + Đất phi nông nghiệp khác 0,15 ha
- + Đất chưa sử dụng 6,16 ha

Đồng thời diện tích giảm 167,97 ha do chuyển mục đích cho các loại đất sau:

- + Đất quốc phòng 2,91 ha
- + Đất công an 0,01 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 1,89 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 45,30 ha
- + Đất giao thông 61,40 ha
- + Đất thủy lợi 0,39 ha
- + Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo 0,003 ha
- + Đất cơ sở thể dục - thể thao 15,98 ha
- + Đất ở tại nông thôn 3,10 ha
- + Đất ở đô thị 5,65 ha
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,24 ha
- + Đất cơ sở tôn giáo 0,03 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 6,02 ha
- + Đất sông, nòi, kênh, rạch, suối 24,51 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng 0,56 ha

Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2024 là 3.428,62 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 1,30 ha; Hải Sơn 0,67 ha; Quảng

Nghĩa 188,42 ha; Hải Tiên 140,69 ha; Hải Đông 385,03 ha; Hải Xuân 491,11 ha; Vạn Ninh 577,96 ha; Vĩnh Trung 84,33 ha; Vĩnh Thực 30,28 ha; Hải Yên 266,53 ha; Ninh Dương 177,28 ha; Ka Long 0,32 ha; Hải Hoà 742,91 ha; Trà Cổ 102,97 ha; Bình Ngọc 238,82 ha.

### **3.3.1.7. Đất nông nghiệp khác**

Đất nông nghiệp khác năm 2024 có 8,88 ha, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 0,87 ha; Vạn Ninh 0,38 ha; Vĩnh Trung 1,08 ha; Hải Yên 6,48 ha; Ninh Dương 0,07 ha.

### **3.3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp:**

Đất phi nông nghiệp năm 2023 có 8.166,46 ha, đến cuối năm 2024 là 9.308,87 ha, thực tăng 1.105,14 ha. Như vậy đến cuối năm 2023 diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố chiếm 17,90 % tổng diện tích tự nhiên của thành phố. Cụ thể chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp trong kế hoạch năm 2024 như sau:

#### **3.3.2.1. Đất quốc phòng**

Đất quốc phòng năm 2024 có nhu cầu tăng thêm 64,44 ha được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất rừng phòng hộ 2,65 ha.
- + Đất rừng sản xuất 57,01 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 2,91 ha.
- + Đất giao thông 0,14 ha
- + Đất chưa sử dụng 1,728 ha.

Đồng thời diện tích giảm 6,31 ha do chuyển mục đích cho các loại đất sau:

- + Đất thương mại, dịch vụ 1,01 ha.
- + Đất giao thông 2,02 ha
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 3,20 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,07 ha.

Tổng diện tích đất quốc phòng năm 2024 là 323,40 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 44,52 ha; Hải Sơn 66,32 ha; Quảng Nghĩa 0,68 ha; Hải Tiên 3,71 ha; Hải Đông 39,68 ha; Vĩnh Trung 5,38 ha; Vĩnh Thực 53,27 ha; Hải Yên 21,36 ha; Ninh Dương 14,43 ha; Ka Long 1,85 ha; Hoà Lạc 5,47 ha; Trần Phú 19,94 ha; Hải Hoà 35,64 ha; Trà Cổ 10,88 ha; Bình Ngọc 0,29 ha.

#### **3.3.2.2. Đất an ninh**

Đất an ninh năm 2024 có nhu cầu tăng 1,30 ha được sử dụng từ các loại đất



sau:

- + Đất trồng lúa 0,47 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,33 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 0,002 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha
- + Đất giao thông 0,05 ha
- + Đất thủy lợi 0,04 ha
- + Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo 0,09 ha
- + Đất cơ sở thể dục - thể thao 0,19 ha
- + Đất ở tại nông thôn 0,02 ha
- + Đất chưa sử dụng 0,09 ha

Tổng diện tích đất an ninh năm 2024 là 6,65 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 0,17 ha; Hải Sơn 0,14 ha; Quảng Nghĩa 0,16 ha; Hải Tiến 0,19 ha; Hải Đông 0,20 ha; Hải Xuân 0,20 ha; Vạn Ninh 0,12 ha; Vĩnh Trung 0,20 ha; Hải Yên 0,61 ha; Ninh Dương 0,16 ha; Ka Long 0,31 ha; Hoà Lạc 0,43 ha; Trần Phú 0,46 ha; Hải Hoà 1,72 ha; Trà Cỏ 1,19 ha; Bình Ngọc 0,39 ha.

### **3.3.2.3. Đất khu công nghiệp:**

Năm 2024 nhu cầu sử dụng cho đất khu công nghiệp tăng thêm 38,22 ha

Diện tích tăng thêm được sử dụng từ:

- + Đất chưa sử dụng 38,22 ha

Tổng diện tích đất khu công nghiệp năm 2024 là 117,81 ha được phân bổ tại phường Hải Yên để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hải Yên (GD 4 + GD 5 + Phần còn lại).

### **3.3.2.4. Đất thương mại, dịch vụ:**

Đất thương mại, dịch vụ năm 2024 có nhu cầu tăng 38,95 ha được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 14,53 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,86 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 9,79 ha.
- + Đất rừng sản xuất 1,81 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 1,89 ha.
- + Đất quốc phòng 1,01 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,15 ha.
- + Đất giao thông 1,90 ha
- + Đất thủy lợi 0,14 ha.
- + Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 0,13 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,02 ha

+ Đất ở tại đô thị 4,55 ha.

+ Đất chưa sử dụng 2,18 ha.

+ Đất mặt nước ven biển 34,33 ha

Đồng thời diện tích giảm 9,06 ha do chuyển mục đích sử dụng cho các loại đất khác là:

+ Đất giao thông 5,11 ha

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao 0,45 ha

+ Đất ở tại đô thị 3,42 ha

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,09 ha

Tổng diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2024 là 409,34 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 24,22 ha; Hải Sơn 0,29 ha; Quảng Nghĩa 3,21 ha; Hải Tiến 6,18 ha; Hải Đông 0,20 ha; Hải Xuân 2,86 ha; Vạn Ninh 34,33 ha; Hải Yên 123,25 ha; Ninh Dương 14,40 ha; Ka Long 9,15 ha; Hoà Lạc 2,67 ha; Trần Phú 16,92 ha; Hải Hoà 100,76 ha; Trà Cỏ 70,53 ha; Bình Ngọc 0,36 ha.

### **3.3.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2024 nhu cầu sử dụng đất tăng thêm 97,22 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 6,25 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,64 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm 14,98 ha.

+ Đất rừng phòng hộ 14,95 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản 45,30 ha

+ Đất giao thông 2,45 ha.

+ Đất thủy lợi 2,63 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,31 ha.

+ Đất ở đô thị 5,41 ha.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,84 ha.

+ Đất chưa sử dụng 2,46 ha.

Đồng thời diện tích giảm 5,04 ha do chuyển mục đích sử dụng cho các loại đất khác là:

+ Đất thương mại, dịch vụ 0,15 ha

+ Đất cơ sở y tế 0,31 ha

+ Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo 0,07 ha

+ Đất giao thông 1,12 ha

- + Đất ở đô thị 2,63 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,76 ha

Tổng diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2024 là 219,04 ha, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Sơn 3,30 ha; Quảng Nghĩa 3,64 ha; Hải Tiến 12,18 ha; Hải Đông 0,26 ha; Hải Xuân 6,48 ha; Vạn Ninh 6,39 ha; Vĩnh Trung 0,55 ha; Vĩnh Thực 1,51 ha; Hải Yên 14,00 ha; Ninh Dương 58,44 ha; Ka Long 16,35 ha; Hải Hoà 91,87 ha; Bình Ngọc ha 4,06 ha.

### **3.3.2.6. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Năm 2024 nhu cầu sử dụng dành cho đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trên địa bàn thành phố năm 2024 tăng thêm 12,38 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất chưa sử dụng 12,38 ha.

Diện tích giảm 1,57 ha do chuyển sang các loại đất khác là:

- + Đất giao thông: 0,32 ha
- + Đất ở tại đô thị 1,00 ha
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,17 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,08 ha

Tổng diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2024 là 204,87 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Quảng Nghĩa 171,44 ha; Hải Tiến 5,89 ha; Hải Xuân 1,72 ha; Hải Yên 22,65 ha; Ninh Dương 3,05 ha; Trà Cỏ 0,04 ha; Bình Ngọc 0,09 ha.

### **3.3.2.7. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Đất phát triển hạ tầng năm 2023 có 2.669,15 ha, đến năm 2024 là 3.418,08 ha và có các biến động như sau:

#### **\* Đất giao thông**

Đất giao thông năm 2024 có nhu cầu tăng 733,56 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 95,91 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 22,28 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 32,16 ha.
- + Đất rừng phòng hộ 46,77 ha.
- + Đất rừng sản xuất 21,87 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 61,40 ha.
- + Đất Quốc phòng 2,02 ha.
- + Đất thương mại dịch vụ 5,11 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,12 ha.

- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,32 ha.
- + Đất thủy lợi 7,14 ha.
- + Đất y tế 0,14 ha
- + Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo 1,51 ha.
- + Đất cơ sở thể dục - thể thao 0,30 ha
- + Đất công trình năng lượng 0,01 ha.
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 2,35 ha.
- + Đất chợ 0,43 ha
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,01 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,36 ha.
- + Đất ở tại nông thôn 8,78 ha.
- + Đất ở tại đô thị 33,80 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,02 ha.
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 12,99 ha.
- + Đất có mặt nước chuyên dùng 3,65 ha
- + Đất chưa sử dụng 372,05 ha.
- + Đất mặt nước ven biển 2,59 ha

Đồng thời cũng giảm 15,96 ha do chuyển sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất giao thông năm 2024 là 2.333,44 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 112,90 ha; Hải Sơn 72,30 ha; Quảng Nghĩa 211,58 ha; Hải Tiến 155,31 ha; Hải Đông 141,08 ha; Hải Xuân 163,19 ha; Vạn Ninh 467,31 ha; Vĩnh Trung 70,40 ha; Vĩnh Thực 45,02 ha; Hải Yên 251,74 ha; Ninh Dương 134,23 ha; Ka Long 52,03 ha; Hoà Lạc 22,84 ha; Trần Phú 31,68 ha; Hải Hoà 280,76 ha; Trà Cỏ 56,48 ha; Bình Ngọc 64,58 ha.

*\* Đất thủy lợi*

Nhu cầu sử dụng sử dụng đất thủy lợi trên địa bàn thành phố đến năm 2024 tăng 5,67 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 0,22 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,42 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 0,10 ha.
- + Đất rừng sản xuất 0,09 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,39 ha.
- + Đất giao thông 2,98 ha.
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,02 ha.
- + Đất ở tại đô thị 0,14 ha.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,26 ha.

+ Đất chưa sử dụng 0,05 ha.

Diện tích đất thủy lợi cũng giảm 14,09 ha do chuyển sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất thủy lợi năm 2023 là 503,05 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 2,96 ha; Hải Sơn 8,37 ha; Quảng Nghĩa 26,88 ha; Hải Tiến 17,21 ha; Hải Đông 53,14 ha; Hải Xuân 35,63 ha; Vạn Ninh 102,79 ha; Vĩnh Trung 9,10 ha; Vĩnh Thực 37,95 ha; Hải Yên 65,98 ha; Ninh Dương 13,90 ha; Ka Long 1,52 ha; Hoà Lạc 1,66 ha; Hải Hoà 65,51 ha; Trà Cỏ 12,95 ha; Bình Ngọc 47,52 ha.

*\* Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2024 tăng 1,53 ha.

Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

+ Đất trồng lúa 0,53 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,36 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm 0,38 ha.

+ Đất giao thông 0,008 ha.

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,01 ha.

+ Đất chưa sử dụng 0,24 ha.

Diện tích giảm 0,04 ha do chuyển sang đất giáo dục, đào tạo.

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2024 là 18,90 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Sơn 0,30 ha; Quảng Nghĩa 0,21 ha; Hải Tiến 0,60 ha; Hải Đông 0,23 ha; Hải Xuân 5,06 ha; Vĩnh Trung 0,08 ha; Vĩnh Thực 0,08 ha; Hải Yên 1,72 ha; Ninh Dương 0,59 ha; Ka Long 0,43 ha; Hoà Lạc 2,35 ha; Trần Phú 0,05 ha; Hải Hoà 1,13 ha; Trà Cỏ 5,49 ha; Bình Ngọc 0,60 ha.

*\* Đất xây dựng cơ sở y tế*

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở y tế đến năm 2024 tăng 0,38 ha, diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

+ Đất trồng lúa 0,06 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,01 ha

+ Đất giao thông 0,002 ha.

+ Đất thủy lợi 0,004 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,31 ha

Diện tích giảm 0,27 ha sang các loại đất khác:

+ Đất giao thông 0,14 ha.

+ Đất ở tại đô thị 0,11 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,02 ha

Tổng diện tích đất cơ sở y tế năm 2024 là 8,47 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 0,25 ha; Hải Sơn 0,20 ha; Quảng Nghĩa 0,12 ha; Hải Tiến 0,08 ha; Hải Đông 0,16 ha; Hải Xuân 0,15 ha; Vạn Ninh 0,10 ha; Vĩnh Trung 0,13 ha; Vĩnh Thực 0,20 ha; Hải Yên 0,18 ha; Ninh Dương 5,46 ha; Ka Long 0,03 ha; Hoà Lạc 0,02 ha; Trần Phú 0,10 ha; Hải Hoà 0,97 ha; Trà Cỏ 0,18 ha; Bình Ngọc 0,13 ha.

*\* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2024 tăng 10,49 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 2,21 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,55 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 1,47 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,07 ha
- + Đất giao thông 0,66 ha.
- + Đất thủy lợi 0,01 ha.
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,04 ha.
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,03 ha.
- + Đất ở tại đô thị 1,46 ha.
- + Đất chưa sử dụng 3,99 ha.

Diện tích giảm 3,25 ha do chuyển sang các loại đất:

- + Đất an ninh 0,09 ha
- + Đất giao thông 1,51 ha
- + Đất ở đô thị 1,54 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,12 ha

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2024 là 84,33 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 2,15 ha; Hải Sơn 2,28 ha; Quảng Nghĩa 3,33 ha; Hải Tiến 5,32 ha; Hải Đông 3,77 ha; Hải Xuân 4,21 ha; Vạn Ninh 3,70 ha; Vĩnh Trung 1,37 ha; Vĩnh Thực 1,74 ha; Hải Yên 17,44 ha; Ninh Dương 8,38 ha; Ka Long 5,71 ha; Hoà Lạc 1,95 ha; Trần Phú 3,36 ha; Hải Hoà 11,88 ha; Trà Cỏ 2,62 ha; Bình Ngọc 5,10 ha.

*\*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2024 tăng 18,14 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng cây hàng năm khác 1,46 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 0,01 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản 15,98 ha

+ Đất thương mại dịch vụ 0,45 ha.

+ Đất giao thông 0,02 ha.

+ Đất thủy lợi 0,01 ha

+ Đất ở tại đô thị 0,17 ha

+ Đất chưa sử dụng 0,04 ha

Diện tích giảm 0,49 ha do chuyển sang các loại đất khác:

+ Đất an ninh 0,19 ha

+ Đất giao thông 0,30 ha

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2024 131,87 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 0,55 ha; Hải Sơn 0,19 ha; Quảng Nghĩa 1,08 ha; Hải Tiến 1,38 ha; Hải Đông 1,92 ha; Hải Xuân 1,19 ha; Vạn Ninh 2,05 ha; Vĩnh Trung 1,62 ha; Vĩnh Thực 2,21 ha; Hải Yên 1,04 ha; Ninh Dương 3,18 ha; Hoà Lạc 0,37 ha; Trần Phú 0,41 ha; Hải Hoà 17,77 ha; Trà Cổ 96,15 ha; Bình Ngọc 0,76 ha.

*\* Đất công trình năng lượng*

Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng trên địa bàn thành phố đến năm 2024 tăng 0,10 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 0,02 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,03 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm 0,01 ha.

+ Đất rừng phòng hộ 0,03 ha.

+ Đất giao thông 0,01 ha

+ Đất thủy lợi 0,002 ha

+ Đất chưa sử dụng 0,01 ha.

Đồng thời diện tích giảm 0,02 ha chuyển sang:

+ Đất giao thông 0,01 ha

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,003 ha

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,004 ha

Tổng diện tích đất công trình năng lượng năm 2024 là 2,58 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 0,12 ha; Quảng Nghĩa 0,04 ha; Hải Tiến 0,03 ha; Hải Đông 0,61 ha; Hải Xuân 0,03 ha; Vạn Ninh 0,06 ha; Vĩnh Thực 0,06 ha; Ninh Dương 1,40 ha; Ka Long 0,01 ha; Trần Phú 0,11 ha; Hải Hoà 0,05 ha; Trà Cổ 0,04 ha; Bình Ngọc 0,01 ha.

*\* Đất công trình Bưu chính viễn thông*

Đất công trình bưu chính, viễn thông năm kế hoạch không xác định chỉ tiêu tăng thêm, đến năm 2024 đất công trình bưu chính, viễn thông là 1,47 ha, được

phân bổ như sau: Bắc Sơn 0,09 ha; Quảng Nghĩa 0,02 ha; Hải Tiến 0,51 ha; Hải Đông 0,11 ha; Hải Xuân 0,04 ha; Vạn Ninh 0,04 ha; Vĩnh Trung 0,06 ha; Vĩnh Thực 0,11 ha; Hải Yên 0,03 ha; Ninh Dương 0,01 ha; Hoà Lạc 0,17 ha; Hải Hoà 0,02 ha; Trà Cỏ 0,25 ha; Bình Ngọc 0,02 ha.

*\* Đất có di tích lịch sử - văn hoá*

Đất di tích lịch sử văn hóa kế hoạch không xác định chỉ tiêu tăng thêm, đến năm 2024 đất di tích lịch sử văn hóa là 0,24 ha, phân bổ như sau: xã Vạn Ninh 0,07 ha; phường Trà Cỏ 0,17 ha.

*\* Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2024 tăng 1,27 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng cây lâu năm 0,001 ha.
- + Đất rừng phòng hộ 0,09 ha.
- + Đất giao thông 0,003 ha.
- + Đất chưa sử dụng 1,17 ha.
- + Đất mặt nước ven biển 0,34 ha

Tổng diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2024 là 72,97 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Sơn 6,47 ha; Quảng Nghĩa 36,14 ha; Hải Tiến 11,39 ha; Hải Đông 1,34 ha; Hải Xuân 9,70 ha; Vạn Ninh 1,62 ha; Vĩnh Trung 0,16 ha; Vĩnh Thực 0,21 ha; Hải Yên 3,84 ha; Hải Hoà 2,09 ha.

*\* Đất cơ sở tôn giáo*

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo đến năm 2024 tăng thêm 1,35 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng cây lâu năm 0,36 ha.
- + Đất rừng sản xuất 0,95 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha.
- + Đất giao thông 0,01 ha.

Tổng diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2024 là 12,12 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Xuân 2,32 ha; Vạn Ninh 0,71 ha; Hải Yên 6,01 ha; Ninh Dương 0,54 ha; Ka Long 0,40 ha; Trà Cỏ 2,00 ha; Bình Ngọc 0,14 ha.

*\* Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Nhu cầu sử dụng đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trên địa bàn thành phố đến năm 2024 tăng 13,31 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất khác là:

- + Đất trồng lúa 0,51 ha.



+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,31 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm 0,08 ha.

+ Đất rừng sản xuất 12,31 ha.

+ Đất giao thông 0,09 ha.

Diện tích giảm 9,61 ha do chuyển sang các loại đất khác:

+ Đất nuôi trồng thủy sản 0,31 ha

+ Đất thương mại, dịch vụ 0,13 ha

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,31 ha

+ Đất giao thông 2,35 ha

+ Đất thủy lợi 0,02 ha

+ Đất văn hóa 0,01 ha

+ Đất giáo dục, đào tạo 0,03 ha

+ Đất ở tại đô thị 6,34 ha

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,09 ha

Tổng diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2024 là 240,83 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 3,54 ha; Quảng Nghĩa 16,17 ha; Hải Tiến 10,59 ha; Hải Đông 26,21 ha; Hải Xuân 30,02 ha; Vạn Ninh 18,69 ha; Vĩnh Trung 0,52 ha; Vĩnh Thực 16,59 ha; Hải Yên 33,80 ha; Ninh Dương 6,98 ha; Hải Hoà 8,19 ha; Trà Cổ 34,43 ha; Bình Ngọc 35,12 ha.

*\* Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*

Đất cơ sở dịch vụ về xã hội kế hoạch không xác định chỉ tiêu tăng thêm, đến năm 2024 đất cơ sở dịch vụ về xã hội là 0,04 ha, phân bổ tại phường Hải Hòa.

*\* Đất chợ:*

Nhu cầu sử dụng đất chợ đến năm 2024 tăng 4,36 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 0,44 ha.

+ Đất rừng sản xuất 1,02 ha.

+ Đất chưa sử dụng 2,90 ha.

Diện tích giảm 0,43 ha chuyển sang đất giao thông.

Tổng diện tích đất chợ năm 2024 là 15,67 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 1,02 ha; Hải Sơn 0,23 ha; Quảng Nghĩa 0,36 ha; Hải Đông 6,35 ha; Hải Xuân 0,19 ha; Vạn Ninh 0,44 ha; Hải Yên 0,28 ha; Ka Long 0,85 ha; Hoà Lạc 0,60 ha; Trần Phú 4,42 ha; Hải Hoà 0,85 ha; Bình Ngọc 0,08 ha.

### **3.3.2.8. Đất sinh hoạt cộng đồng:**

Nhu cầu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn thành phố năm 2024

tăng 1,03 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ:

- + Đất trồng trồng lúa 0,31 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 0,07 ha
- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng 0,17 ha.
- + Đất giao thông 0,01 ha
- + Đất ở đô thị 0,47 ha

Diện tích giảm 0,20 ha do chuyển sang các loại đất khác:

- + Đất giao thông 0,01 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,19 ha

Tổng diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2024 là 13,68 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 0,47 ha; Hải Sơn 0,62 ha; Quảng Nghĩa 0,37 ha; Hải Tiến 1,60 ha; Hải Đông 0,50 ha; Hải Xuân 1,39 ha; Vạn Ninh 0,56 ha; Vĩnh Trung 0,34 ha; Vĩnh Thực 0,62 ha; Hải Yên 1,67 ha; Ninh Dương 1,16 ha; Ka Long 0,59 ha; Hoà Lạc 0,28 ha; Trần Phú 0,45 ha; Hải Hoà 2,63 ha; Trà Cỏ 0,44 ha.

### **3.3.2.9. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:**

Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng đến năm 2024 tăng 36,87 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 14,05 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 3,73 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 4,03 ha.
- + Đất rừng sản xuất 0,63 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 6,02 ha.
- + Đất quốc phòng 0,07 ha.
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,09 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,76 ha.
- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,08 ha.
- + Đất giao thông 1,54 ha.
- + Đất thủy lợi 0,75 ha.
- + Đất cơ sở y tế 0,02 ha
- + Đất cơ sở giáo dục, đào tạo 0,12 ha
- + Đất công trình năng lượng 0,004 ha
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,09 ha.
- + Đất ở tại nông thôn 0,06 ha.
- + Đất ở đô thị 2,66 ha.
- + Đất chưa sử dụng 2,17 ha.

Tổng diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2024 là 61,93 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Sơn 0,08 ha; Quảng Nghĩa 0,34 ha; Hải Xuân 8,21 ha; Vĩnh Trung 0,19 ha; Hải Yên 9,88 ha; Ninh Dương 4,39 ha; Ka Long 0,47 ha; Hoà Lạc 5,46 ha; Trần Phú 0,53 ha; Hải Hoà 29,70 ha; Trà Cổ 2,46 ha; Bình Ngọc 0,22 ha.

### **3.3.2.11. Đất ở tại nông thôn**

Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024 tăng 21,02 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 1,97 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 2,37 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 13,49 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 3,10 ha.
- + Đất giao thông 0,07 ha.
- + Đất chưa sử dụng 0,03 ha.

Đồng thời đất ở tại nông thôn cũng giảm 9,30 ha chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

- + Đất an ninh 0,02 ha
- + Đất giao thông 8,78 ha
- + Đất ở tại đô thị 0,44 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,06 ha

Tổng diện tích đất ở tại nông thôn năm 2024 là 330,66 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 13,96 ha; Hải Sơn 13,95 ha; Quảng Nghĩa 20,79 ha; Hải Tiên 49,53 ha; Hải Đông 62,05 ha; Hải Xuân 77,02 ha; Vạn Ninh 51,29 ha; Vĩnh Trung 17,24 ha; Vĩnh Thục 24,83 ha.

### **3.3.2.12. Đất ở tại đô thị**

Nhu cầu sử dụng đất ở đô thị trên địa bàn thành phố năm 2024 tăng 105,68 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 34,13 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 9,65 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 21,41 ha.
- + Đất rừng sản xuất 3,22 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 5,65 ha.
- + Đất thương mại, dịch vụ 3,42 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,63 ha.
- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng 1,00 ha.
- + Đất giao thông 3,85 ha.

- + Đất thủy lợi 0,74 ha.
- + Đất cơ sở y tế 0,11 ha
- + Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo 1,54 ha
- + Đất làm nghĩa trang nhà tang lễ, nhà hỏa táng 6,34 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,83 ha
- + Đất ở tại nông thôn 0,44 ha
- + Đất chưa sử dụng 9,69 ha.

Đồng thời đất ở tại đô thị cũng giảm 51,44 ha chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác là:

- + Đất thương mại, dịch vụ 4,55 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5,41 ha
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 35,57 ha
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,75 ha
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,47 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 2,66 ha
- + Đất mặt nước chuyên dùng 0,04 ha

Tổng diện tích đất ở tại đô thị năm 2024 là 465,66 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Xuân 18,51 ha; Hải Yên 127,00 ha; Ninh Dương 74,60 ha; Ka Long 36,91 ha; Hoà Lạc 13,67 ha; Trần Phú 10,70 ha; Hải Hoà 112,43 ha; Trà Cổ 42,26 ha; Bình Ngọc 29,58 ha.

### **3.3.2.13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm tăng 19,93 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 6,81 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,04 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 5,23 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,24 ha.
- + Đất quốc phòng 3,20 ha.
- + Đất giao thông 1,26 ha.
- + Đất thủy lợi 0,13 ha.
- + Đất công trình năng lượng 0,003 ha
- + Đất làm nghĩa trang nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,01 ha.
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,19 ha.
- + Đất ở đô thị 2,75 ha.
- + Đất chưa sử dụng 0,06 ha.

Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,06 ha.

Tổng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024 là 56,55 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 1,93 ha; Hải Sơn 0,48 ha; Quảng Nghĩa 0,44 ha; Hải Tiến 4,45 ha; Hải Đông 1,11 ha; Hải Xuân 1,13 ha; Vạn Ninh 0,91 ha; Vĩnh Trung 0,65 ha; Vĩnh Thực 1,05 ha; Hải Yên 0,69 ha; Ninh Dương 0,51 ha; Ka Long 0,81 ha; Hoà Lạc 4,17 ha; Trần Phú 4,90 ha; Hải Hoà 32,23 ha; Trà Cỏ 0,30 ha; Bình Ngọc 0,81 ha.

#### **3.3.2.14. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2024 không có nhu cầu tăng thêm. Diện tích giảm 0,02 ha do chuyển sang đất giao thông

Tổng diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2024 là 0,78 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Ninh Dương 0,65 ha; Hoà Lạc 0,13 ha.

#### **3.3.2.15. Đất cơ sở tín ngưỡng**

Năm 2024 đất cơ sở tín ngưỡng không có nhu cầu tăng thêm.

Tổng diện tích đất cơ sở tín ngưỡng năm 2024 là 10,72 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Quảng Nghĩa 0,57 ha; Hải Tiến 0,66 ha; Hải Đông 0,70 ha; Hải Xuân 1,77 ha; Vạn Ninh 1,53 ha; Vĩnh Trung 0,08 ha; Vĩnh Thực 0,58 ha; Hải Yên 0,41 ha; Ninh Dương 0,16 ha; Ka Long 1,23 ha; Hoà Lạc 0,01 ha; Hải Hoà 0,49 ha; Trà Cỏ 1,65 ha; Bình Ngọc 0,88 ha.

#### **3.3.2.16. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2024 giảm 16,09 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,84 ha
- + Đất giao thông: 12,99 ha
- + Đất thủy lợi : 1,26 ha

Tổng diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2024 là 2.547,55 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 105,54 ha; Hải Sơn 65,42 ha; Quảng Nghĩa 608,51 ha; Hải Tiến 245,06 ha; Hải Đông 69,99 ha; Hải Xuân 161,30 ha; Vạn Ninh 97,93 ha; Vĩnh Trung 82,94 ha; Hải Yên 37,96 ha; Ninh Dương 90,09 ha; Ka Long 23,46 ha; Hoà Lạc 9,68 ha; Trần Phú 8,22 ha; Hải Hoà 689,38 ha; Trà Cỏ 138,27 ha; Bình Ngọc 113,79 ha.

#### **3.3.2.17. Đất có mặt nước chuyên dùng**

Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2024 có nhu cầu tăng 1,80 ha, diện tích tăng thêm được sử dụng vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 0,25 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,24 ha

- + Đất trồng cây lâu năm 0,45 ha
- + Đất rừng sản xuất 0,002 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,56 ha
- + Đất giao thông 0,09 ha
- + Đất thủy lợi 0,14 ha
- + Đất ở đô thị 0,043 ha
- + Đất chưa sử dụng 0,03 ha

Diện tích giảm 3,65 ha do chuyển sang đất giao thông.

Tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2024 là 1.112,30 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 355,49 ha; Hải Sơn 358,47 ha; Hải Tiến 31,18 ha; Hải Đông 153,55 ha; Hải Xuân 0,73 ha; Vạn Ninh 59,42 ha; Vĩnh Trung 27,11 ha; Vĩnh Thực 50,14 ha; Hải Yên 64,44 ha; Ninh Dương 11,09 ha; Hải Hoà 0,60 ha; Trà Cổ 0,10 ha.

#### **3.3.2.18. Đất phi nông nghiệp khác**

Đất phi nông nghiệp khác năm 2024 không có nhu cầu tăng thêm. Diện tích giảm 0,15 ha do chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản.

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2023 là 1,95 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: xã Hải Xuân 0,59 ha; xã Vạn Ninh 1,36 ha.

#### **3.3.3. Đất chưa sử dụng**

Đất chưa sử dụng năm 2023 có 5.795,32 ha, đến cuối năm 2024 là 5.339,64 ha, giảm 455,67 ha. Như vậy đến cuối năm 2024 diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn thành phố chiếm 10,27 % tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

Diện tích giảm để đưa vào sử dụng cho các loại đất sau:

- + Đất nuôi trồng thủy sản 6,16 ha
- + Đất quốc phòng 1,728 ha
- + Đất an ninh 0,09 ha
- + Đất khu công nghiệp 38,22 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 2,18 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,5 ha
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 380,46 ha
- + Đất ở tại nông thôn 0,03 ha
- + Đất ở tại đô thị 9,69 ha
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha
- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 12,38 ha;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 2,17 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng 0,03 ha;

Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2024 là 5.339,64 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 76,95 ha; Hải Sơn 73,98 ha; Quảng Nghĩa 43,73 ha; Hải Tiến 432,32 ha; Hải Đông 551,17 ha; Hải Xuân 27,22 ha; Vạn Ninh 2.483,77 ha; Vĩnh Trung 689,54 ha; Vĩnh Thực 297,42 ha; Hải Yên 182,88 ha; Ninh Dương 42,33 ha; Ka Long 2,41 ha; Hoà Lạc 0,49 ha; Trần Phú 0,13 ha; Hải Hoà 260,86 ha; Trà Cỏ 145,17 ha; Bình Ngọc 29,28 ha.

### **3.3.4. Tổng hợp các khu chức năng**

#### **3.3.4.1. Đất đô thị**

Hiện nay trên địa bàn Thành phố Móng Cái có 8 phường với tổng diện tích đất đô thị là 12.490,40 ha.

Diện tích đất đô thị năm 2024 được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Yên 4.577,72 ha; Ninh Dương 1.129,80 ha; Ka Long 158,61 ha; Hoà Lạc 72,41 ha; Trần Phú 102,37 ha; Hải Hoà 4.033,84 ha; Trà Cỏ 1.317,04 ha; Bình Ngọc 1.098,61 ha.

#### **3.3.4.2. Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)**

Diện tích kế hoạch năm 2024 là 3.295,48 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 195,94 ha; Hải Sơn 85,69 ha; Quảng Nghĩa 165,13 ha; Hải Tiến 261,35 ha; Hải Đông 293,73 ha; Hải Xuân 367,47 ha; Vạn Ninh 208,35 ha; Vĩnh Trung 63,44 ha; Vĩnh Thực 163,38 ha; Hải Yên 555,86 ha; Ninh Dương 186,11 ha; Ka Long 3,77 ha; Hải Hoà 470,28 ha; Trà Cỏ 43,50 ha; Bình Ngọc 231,50 ha.

#### **3.3.4.3. Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)**

Diện tích kế hoạch năm 2024 là 28.333,13 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 3.830,32 ha; Hải Sơn 7.211,27 ha; Quảng Nghĩa 4.024,61 ha; Hải Tiến 1.899,73 ha; Hải Đông 2.411,42 ha; Hải Xuân 74,40 ha; Vạn Ninh 1.780,72 ha; Vĩnh Trung 1.535,91 ha; Vĩnh Thực 1.163,29 ha; Hải Yên 2.467,22 ha; Ninh Dương 122,05 ha; Hải Hoà 1.061,60 ha; Trà Cỏ 532,45 ha; Bình Ngọc 218,14 ha.

#### **3.3.4.4. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)**

Diện tích kế hoạch năm 2024 là 117,81 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Yên 117,81 ha.

#### **3.3.4.5. Khu đất thương mại - dịch vụ**

Diện tích kế hoạch năm 2024 là 409,34 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 24,22 ha; Hải Sơn 0,29 ha; Quảng Nghĩa 3,21 ha; Hải Tiến 6,18 ha; Hải Đông 0,20 ha; Hải Xuân 2,86 ha; Vạn Ninh 34,33 ha; Hải Yên 123,25 ha; Ninh Dương 14,40 ha; Ka Long 9,15 ha; Hoà Lạc 2,67 ha; Trần Phú 16,92 ha; Hải Hoà 100,76 ha; Trà Cổ 70,53 ha; Bình Ngọc 0,36 ha.

#### **3.3.4.6. Khu dân cư nông thôn**

Diện tích kế hoạch năm 2024 là 330,66 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 13,96 ha; Hải Sơn 13,95 ha; Quảng Nghĩa 20,79 ha; Hải Tiến 49,53 ha; Hải Đông 62,05 ha; Hải Xuân 77,02 ha; Vạn Ninh 51,29 ha; Vĩnh Trung 17,24 ha; Vĩnh Thực 24,83 ha.

### **3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích**

#### **3.4.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:**

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Móng Cái và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp được xác định như sau:

Tổng số có 657,37 ha đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 178,66 ha, trong đó: Bắc Sơn 1,87 ha; Hải Sơn 1,76 ha; Quảng Nghĩa 1,51 ha; Hải Tiến 1,97 ha; Hải Đông 0,31 ha; Hải Xuân 37,66 ha; Vạn Ninh 2,97 ha; Vĩnh Trung 0,19 ha; Vĩnh Thực 0,35 ha; Hải Yên 23,11 ha; Ninh Dương 37,14 ha; Hải Hoà 69,72 ha; Bình Ngọc 0,10 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 43,28 ha, trong đó: Bắc Sơn 0,51 ha; Hải Sơn 1,05 ha; Quảng Nghĩa 1,04 ha; Hải Tiến 1,27 ha; Hải Đông 0,68 ha; Hải Xuân 16,91 ha; Vạn Ninh 1,57 ha; Vĩnh Trung 0,02 ha; Vĩnh Thực 0,51 ha; Hải Yên 10,51 ha; Ninh Dương 8,02 ha; Hải Hoà 1,08 ha; Trà Cổ 0,04 ha; Bình Ngọc 0,08 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 104,03 ha, trong đó: Bắc Sơn 1,84 ha; Hải Sơn 5,37 ha; Quảng Nghĩa 2,94 ha; Hải Tiến 2,68 ha; Hải Đông 4,23 ha; Hải Xuân 3,40 ha; Vạn Ninh 1,24 ha; Vĩnh Trung 0,80 ha;



Vĩnh Thực 0,88 ha; Hải Yên 22,13 ha; Ninh Dương 6,16 ha; Hải Hoà 50,55 ha; Trà Cỏ 0,90 ha; Bình Ngọc 0,91 ha.

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 64,52 ha, trong đó: Bắc Sơn 4,92 ha; Quảng Nghĩa 18,34 ha; Hải Tiến 0,73 ha; Hải Đông 4,71 ha; Vạn Ninh 5,61 ha; Hải Yên 10,21 ha; Hải Hoà 17,05 ha; Trà Cỏ 2,95 ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 98,91 ha, trong đó: Bắc Sơn 6,61 ha; Hải Sơn 5,88 ha; Quảng Nghĩa 5,40 ha; Hải Đông 37,56 ha; Vĩnh Trung 0,29 ha; Hải Yên 36,87 ha; Ninh Dương 6,30 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 167,97 ha chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp, trong đó: Bắc Sơn 0,24 ha; Hải Sơn 0,27 ha; Quảng Nghĩa 6,55 ha; Hải Tiến 1,50 ha; Hải Đông 19,77 ha; Hải Xuân 2,81 ha; Vạn Ninh 1,97 ha; Vĩnh Trung 0,20 ha; Vĩnh Thực 0,20 ha; Hải Yên 13,25 ha; Ninh Dương 2,54 ha; Hải Hoà 93,45 ha; Trà Cỏ 8,48 ha; Bình Ngọc 16,75 ha.

### **3.4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:**

Tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 9,48 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 3,07 ha, phân bổ tại: Quảng Nghĩa 0,83 ha; Hải Đông 0,72 ha; Hải Xuân 0,75 ha; Vạn Ninh 0,39 ha; Ninh Dương 0,37 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 4,15 ha, phân bổ tại: Quảng Nghĩa 3,34 ha; Hải Đông 0,66 ha; Vạn Ninh 0,15 ha.

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải đất rừng 0,78 ha, phân bổ tại xã Quảng Nghĩa.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng 1,49 ha, phân bổ tại: Quảng Nghĩa 0,29 ha; Ninh Dương 1,20 ha.

### **3.4.3. Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là: 27,88 ha, trong đó: Hải Xuân 1,21 ha; Vĩnh Trung 0,01 ha; Hải Yên 12,49 ha; Ninh Dương 8,98 ha; Hải Hoà 5,20 ha.

### **3.5. Diện tích đất cần thu hồi**

Trong năm 2024, để thực hiện các công trình dự án kế hoạch đề ra trong phương án kế hoạch sử dụng đất cần thu hồi 768,94 ha.

### 3.5.1. Đất nông nghiệp

Tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án năm 2024 là 620,42 ha.

Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi trong năm kế hoạch cụ thể tới từng xã, phường như sau:

+ Đất trồng lúa diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 178,66 ha, trong đó: Bắc Sơn 1,87 ha; Hải Sơn 1,76 ha; Quảng Nghĩa 1,51 ha; Hải Tiến 1,97 ha; Hải Đông 0,31 ha; Hải Xuân 37,66 ha; Vạn Ninh 2,97 ha; Vĩnh Trung 0,19 ha; Vĩnh Thực 0,35 ha; Hải Yên 23,11 ha; Ninh Dương 37,14 ha; Hải Hoà 69,72 ha; Bình Ngọc 0,10 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 38,67 ha, trong đó: Bắc Sơn 0,47 ha; Hải Sơn 1,05 ha; Quảng Nghĩa 0,31 ha; Hải Tiến 0,77 ha; Hải Đông 0,20 ha; Hải Xuân 16,22 ha; Vạn Ninh 1,38 ha; Vĩnh Trung 0,02 ha; Vĩnh Thực 0,51 ha; Hải Yên 9,69 ha; Ninh Dương 7,19 ha; Hải Hoà 0,87 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 78,57 ha, trong đó: Bắc Sơn 1,02 ha; Hải Sơn 4,53 ha; Quảng Nghĩa 2,14 ha; Hải Tiến 0,04 ha; Hải Đông 1,27 ha; Hải Xuân 1,26 ha; Vạn Ninh 0,24 ha; Vĩnh Thực 0,01 ha; Hải Yên 17,16 ha; Ninh Dương 3,35 ha; Hải Hoà 47,55 ha; Trà Cổ 0,003 ha.

+ Đất rừng phòng hộ diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 64,52 ha, trong đó: Bắc Sơn 4,92 ha; Quảng Nghĩa 18,34 ha; Hải Tiến 0,73 ha; Hải Đông 4,71 ha; Vạn Ninh 5,61 ha; Hải Yên 10,21 ha; Hải Hoà 17,05 ha; Trà Cổ 2,95 ha.

+ Đất rừng sản xuất diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 98,91 ha, trong đó: Bắc Sơn 6,61 ha; Hải Sơn 5,88 ha; Quảng Nghĩa 5,40 ha; Hải Đông 37,56 ha; Vĩnh Trung 0,29 ha; Hải Yên 36,87 ha; Ninh Dương 6,30 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 162,84 ha, trong đó: Bắc Sơn 0,04 ha; Hải Sơn 0,07 ha; Quảng Nghĩa 6,25 ha; Hải Tiến 1,00 ha; Hải Đông 19,27 ha; Hải Xuân 2,31 ha; Vạn Ninh 1,47 ha; Hải Yên 12,65 ha; Ninh Dương 2,01 ha; Hải Hoà 92,95 ha; Trà Cổ 8,28 ha; Bình Ngọc 16,55 ha.

+ Đất nông nghiệp khác diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,002 ha phân bổ tại phường Ninh Dương.

### 3.5.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án năm 2024 là 148,52 ha, trong đó:

+ Đất quốc phòng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 6,31 ha, trong đó: Bắc Sơn 0,06 ha; Hải Sơn 0,39 ha; Hải Hoà 5,86 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 9,06 ha, trong đó: Hải Sơn 0,03 ha; Hải Xuân 0,18 ha; Hải Yên 0,01 ha; Ninh Dương 5,70 ha; Hải Hoà 0,95 ha; Trà Cổ 2,19 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 5,04 ha, trong đó: Hải Sơn 0,17 ha; Hải Xuân 0,15 ha; Ninh Dương 2,85 ha; Hải Hoà 1,87 ha.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 1,57 ha, trong đó: Quảng Nghĩa 0,01 ha; Hải Xuân 0,60 ha; Ninh Dương 0,96 ha .

+ Đất giao thông diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 15,57 ha, trong đó: Quảng Nghĩa 0,07 ha; Hải Tiến 0,01 ha; Hải Đông 0,07 ha; Hải Xuân 0,93 ha; Vạn Ninh 0,003 ha; Vĩnh Trung 0,01 ha; Vĩnh Thực 2,74 ha; Hải Yên 1,05 ha; Ninh Dương 2,39 ha; Hải Hoà 7,77 ha; Trà Cổ 0,51 ha.

+ Đất thủy lợi diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 13,19 ha, trong đó: Hải Sơn 0,02 ha; Quảng Nghĩa 0,50 ha; Hải Tiến 0,10 ha; Hải Đông 1,17 ha; Hải Xuân 1,04 ha; Vạn Ninh 0,12 ha; Vĩnh Thực 0,002 ha; Hải Yên 4,37 ha; Ninh Dương 0,68 ha; Hải Hoà 3,76 ha; Bình Ngọc 1,44 ha.

+ Đất cơ sở văn hoá diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,04 ha tại phường Hải Yên.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,27 ha, tại phường Ninh Dương.

+ Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 3,36 ha, trong đó: Hải Sơn 0,01 ha; Quảng Nghĩa 0,005 ha; Vạn Ninh 0,10 ha, Hải Hoà 3,14 ha.

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,49 ha, trong đó: Hải Tiến 0,18 ha; Vạn Ninh 0,01 ha; Ninh Dương 0,30 ha.

+ Đất công trình năng lượng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,02 ha, trong đó: Hải Sơn 0,01 ha; Ninh Dương 0,004 ha; Hải Hoà 0,01 ha.

+ Đất cơ sở tôn giáo diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,001 ha phân bố tại phường Hải Yên.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 9,30 ha, trong đó: Quảng Nghĩa 0,58 ha; Hải Xuân 0,52 ha; Vĩnh Thực 0,01 ha; Hải Yên 6,92 ha; Ninh Dương 1,13 ha; Hải Hoà 0,15 ha.

+ Đất chợ diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,43 ha tại phường

**Ninh Dương.**

+ Đất sinh hoạt cộng đồng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,20 ha, trong đó: Bắc Sơn ha; Hải Sơn 0,003 ha; Vạn Ninh 0,01 ha; Hải Hoà 0,19 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 3,21 ha tại phường Hải Hoà.

+ Đất ở tại nông thôn diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 9,30 ha, trong đó: Bắc Sơn 0,36 ha; Hải Sơn 1,09 ha; Quảng Nghĩa 2,44 ha; Hải Tiến 0,41 ha; Hải Xuân 4,74 ha; Vạn Ninh 0,17 ha; Vĩnh Trung 0,003 ha; Vĩnh Thực 0,08 ha.

+ Đất ở đô thị diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 51,44 ha, trong đó: Hải Yên 4,68 ha; Ninh Dương 9,33 ha; Hải Hoà 37,24 ha; Trà Cổ 0,18 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,06 ha, trong đó: Quảng Nghĩa 0,03 ha; Hải Xuân 0,03 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ của tổ chức sự nghiệp diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,02 ha tại phường Ninh Dương.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 16,09 ha, trong đó: Bắc Sơn 0,46 ha; Hải Sơn 1,34 ha; Quảng Nghĩa 5,39 ha; Hải Tiến 6,10 ha; Hải Đông 0,22 ha; Hải Xuân 0,65 ha; Vạn Ninh 0,03 ha; Ninh Dương 1,91 ha.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 3,65 ha, trong đó: Hải Tiến 2,58 ha; Hải Yên 0,16 ha; Ninh Dương 0,91 ha.

**3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:**

Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sẽ đưa 455,67 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng, trong đó:

- Đất nông nghiệp: Kế hoạch đưa 6,16 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, cụ thể như sau: Quảng Nghĩa 5,30 ha; Hải Đông 0,38 ha; Vạn Ninh 0,48 ha.

- Đất phi nông nghiệp: trong kế hoạch năm 2024 sẽ đưa 449,51 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp, cụ thể:

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất quốc phòng 1,728 ha tại phường Hải Yên.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất an ninh 0,09 ha tại phường Ka Long.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất khu công nghiệp 38,22 ha tại phường Hải Yên.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất thương mại, dịch vụ 2,18 ha tại phường Hải Yên 0,67 ha; phường Hải Hoà 1,52 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,46 ha tại xã Quảng Nghĩa 0,27 ha; Phường Hải Hoà 2,19 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 12,38 ha tại Xã Quảng Nghĩa 12,38 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất giao thông 372,05 ha, cụ thể tại các phường xã như sau: Bắc Sơn 1,94 ha; Hải Sơn 1,19 ha; Quảng Nghĩa 3,36 ha; Hải Tiến 3,71 ha; Hải Đông 5,69 ha; Hải Xuân 1,51 ha; Vạn Ninh 334,86 ha; Vĩnh Trung 0,30 ha; Hải Yên 9,01 ha; Ninh Dương 0,69 ha; Trần Phú 0,39 ha; Hải Hoà 8,34 ha; Trà Cổ 1,06 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất thủy lợi 0,05 ha, cụ thể tại các phường xã như sau: Hải Xuân 0,03 ha; Ninh Dương 0,02 ha

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất văn hoá là 0,24 ha tại phường Hải Hoà.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất giáo dục, đào tạo là 3,99 ha, tại Hải Yên 1,01 ha; Hải Hoà 1,66 ha; Bình Ngọc 1,32 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất thể dục, thể thao là 0,01 ha tại xã Hải Xuân.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất năng lượng là 0,01 ha tại xã Vĩnh Thục.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất bãi thải, xử lý chất thải là 1,17 ha tại xã Vạn Ninh.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất chợ là 2,90 ha tại xã Hải Đông.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất khu vui chơi, giải trí công cộng 2,17 ha; cụ thể tại các phường xã như sau: Hải Xuân 0,20 ha; Hải Yên 0,65 ha; Ninh Dương 0,003 ha; Hải Hoà 1,32 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất ở tại nông thôn 0,03 ha xã Hải Xuân.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất ở tại đô thị 9,69 ha; cụ thể tại các phường xã như sau: xã Hải Xuân 0,18 ha; phường Hải Yên 4,15 ha; phường Ninh Dương 0,02 ha; phường Trần Phú 0,12 ha; phường Hải Hoà 5,22 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha tại phường Hải Hoà.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 0,01 ha tại phường Bình Ngọc.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất có mặt nước chuyên dùng 0,03 ha tại phường Hải Yên.

### **3.7. Danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch năm 2024:**

*(Chi tiết xem tại biểu 10/CH kèm theo báo cáo)*

### **3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2024**

#### **3.8.1 Cơ sở pháp lý:**

- Luật đất đai năm 2013
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành luật đất đai;
- Nghị định số 44/2014 NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- Căn cứ Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “ Quy định về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất”;
- Nghị định số 01/2017 NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 13/4/2017 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa.
- Nghị định số 96/2021 NĐ-CP ngày 19/12/2021 của Chính phủ quy định về khung giá Đất;
- Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Căn cứ Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIII kỳ họp 15 “ Thông qua phương án giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024”;
- Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024.
- Quyết định 11/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung các nội dung Quyết định 42/2019/QĐ-

UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ninh về quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024.

- Quyết định 35/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Móng Cái;

### **3.8.2 Khái toán các nguồn thu từ đất:**

- Thu tiền từ giao đất ở tại đô thị: 7.145,988 tỷ đồng;
- Thu tiền từ giao đất ở tại nông thôn: 213,378 tỷ đồng;
- Thu tiền từ giao, thuê đất nuôi trồng thủy sản: 9,506 tỷ đồng;
- Thu tiền từ giao, thuê đất sản xuất phi nông nghiệp: 2.268,213 tỷ đồng;
- Thu tiền từ giao, thuê đất thương mại, dịch vụ: 1.211,839 tỷ đồng;
- Thu tiền từ cho thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng: 288,742 tỷ đồng;
- Thu tiền từ giao, thuê đất khu công nghiệp: 360,458 tỷ đồng;
- Thu tiền từ giao, thuê đất cụm công nghiệp: tỷ đồng;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 2,890 tỷ đồng
- Thu lệ phí trước bạ, nhà đất: 36,797 tỷ đồng
- Thuế thu nhập cá nhân từ việc giao dịch BĐS: 73,594 tỷ đồng
- Phí bảo vệ môi trường: 0,619 tỷ đồng
- Thuế khai thác tài nguyên: 3,994 tỷ đồng
- Thu từ kinh phí cải tạo, khai hoang, phục hóa bù bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là: 6,707 tỷ đồng

Cộng các khoản thu: 11.622,723 tỷ đồng

### **3.8.3 Khái toán các khoản chi:**

- Chi bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất gồm:

- + Đất trồng lúa: 106,314 tỷ đồng
- + Đất trồng cây hàng năm : 27,743 tỷ đồng
- + Đất trồng cây lâu năm: 57,938 tỷ đồng
- + Đất rừng sản xuất: 7,279 tỷ đồng
- + Đất rừng phòng hộ: 4,734 tỷ đồng
- + Đất nuôi trồng thủy sản : 59,210 tỷ đồng
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 117,525 tỷ đồng
- + Đất thương mại dịch vụ: 281,957 tỷ đồng
- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 36,735 tỷ đồng

- + Đất ở tại nông thôn: 94,359 tỷ đồng
  - + Đất ở tại đô thị: 3.478,401 đồng
  - Chi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 1.194,698 tỷ đồng
- Cộng các khoản chi: 5.466,895 tỷ đồng.

#### **3.8.4 Cân đối thu - chi:**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi trừ các khoản chi còn lại tiền thu từ đất sẽ là (Tổng các khoản thu - tổng các khoản chi): 11.622,723 tỷ đồng – 5.466,895 tỷ đồng = 6.155,829 tỷ đồng

Trên đây là dự tính các khoản thu chi dựa trên những khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (bảng giá đất giai đoạn 2020-2024) của UBND tỉnh Quảng Ninh. Ước tính các khoản thu chi chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán. Việc tính toán các khoản thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án và vị trí cụ thể của từng loại đất trên cơ sở áp dụng các khung giá quy định tại các thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư công trình, dự án.

### **IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, nông học, hóa học, cơ học... và đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu.
- Tiến hành các giải pháp giảm thiểu tác động của sạt lở như điều tra hiện trạng, xây dựng giải pháp kỹ thuật phòng chống sạt lở, quy hoạch các điểm dân cư.
- Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn.... Hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng diện tích đất rừng sang các mục đích khác nhất là diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các nhà máy, bệnh viện, khu đô thị, khu sản xuất kinh doanh, khu dân cư nông thôn... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- Đánh giá tác động môi trường một cách chặt chẽ với các khu công nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có quy mô lớn để đảm bảo môi trường sống không bị biến đổi (không khí, nguồn nước, âm thanh...) để không gây áp lực với sức khỏe, chất lượng sống của con người về mặt lâu dài.



- Tích cực trồng cây chắn sóng, chắn cát ven sông biển, hạn chế việc chuyển rừng ngập mặn ven biển để nuôi trồng thủy sản và một số mục đích khác.

- Phát huy tối đa tiềm năng thế mạnh du lịch của thành phố nhưng ưu tiên du lịch thân thiện với môi trường nhằm tránh những tác động xấu dẫn tới biến đổi môi trường khí hậu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân có ý thức trong việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

#### **4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

- Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai. Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng. Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Tăng cường tổ chức ngành Tài nguyên và Môi trường đủ mạnh ở Thành phố cũng như ở phường, xã đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quản lý đất đai trong thời gian tới. Chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và chế độ chính sách cho cán bộ địa chính ở xã, phường.

#### **4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.**

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, Ủy ban Nhân dân thành phố Móng Cái tổ chức tuyên truyền, công bố công khai, đề các ban, ngành trong Thành phố, UBND các phường, xã, nhân dân, các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức xã hội, các nhà đầu tư tham gia giám sát và thực hiện.

- Tổ chức tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, các dự án về phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu đô thị mới, trung tâm du lịch, dịch vụ... trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thành phố; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai hoặc không khả thi.

- Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của Thành phố đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thời kỳ công nghiệp 4.0.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật đất đai năm 2013 và các văn bản thi hành Luật đất đai cho người dân để Luật thực sự đi vào đời sống xã hội, góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai đi vào nề nếp.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân Thành phố có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **4.4. Các giải pháp khác**

##### **4.4.1 Giải pháp tài chính**

- Ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm.  
- Huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, các tổ chức, các cá nhân đầu tư cho các lĩnh vực phát triển kinh tế, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Thực hiện liên kết với các địa phương, các công ty, tập đoàn lớn, nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước trong đầu tư liên doanh trên cơ sở các dự án được chọn lựa có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Thành phố.

- Tập trung khai thác, huy động các nguồn vốn trong đó có nguồn vốn từ đấu giá quỹ Đất, đấu thầu các dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Việc huy động các nguồn thu từ phát triển sản xuất kinh doanh tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển là chiến lược lâu dài và quan trọng. Sắp xếp lại các tài sản công (quỹ Đất công) để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Thực hiện sâu rộng công tác xã hội hoá giáo dục, y tế, văn hoá - thể thao, thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong đầu tư cho phát triển. Khuyến khích các đơn vị có đủ điều kiện tham gia vào thị trường chứng khoán, coi đây là hướng quan trọng trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư.

- Tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, giải quyết tốt công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường các nguồn thu từ đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai.

##### **4.4.2. Giải pháp về quản lý, sử dụng đất**

- Quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố; Thường xuyên rà soát các dự án đầu tư có sử dụng đất, mặt nước, kịp thời phát hiện các dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật; Kiểm soát chặt chẽ các dự án được giao đất, cho thuê đất đối với đất rừng, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở đô thị, đặc biệt là liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản.

- Đánh giá một cách toàn diện thực trạng sử dụng đất và môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch các khu, cụm công

nghiệp, đảm bảo tính liên vùng và phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ; rà soát quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng đất hợp lý, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội; nâng cao hệ số sử dụng đất, hạn chế việc thực hiện các dự án kinh doanh hạ tầng, nhà ở nhỏ lẻ. Ưu tiên bố trí đất để đầu tư phát triển hạ tầng, đi trước một bước, nhằm tạo động lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ.

- Có quy trình quản lý chặt chẽ từ khâu lựa chọn địa điểm, phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, quản lý môi trường, giao đất, cho thuê đất; tạo điều kiện bình đẳng, thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận đất đai thông qua cơ chế thị trường; đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, phát huy hiệu quả của giá trị đất đai trong thời gian tới.

#### **4.4.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ và kỹ thuật**

Tổ chức quản lý, thống kê, theo dõi biến động đất đai trên địa bàn Thành phố, công khai phổ biến trên môi trường mạng để tạo thuận lợi trong quản lý đất đai, quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư, tránh lãng phí tài nguyên đất đai.

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập, giám sát và tổ chức thực hiện quy hoạch. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khoá đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác địa chính như: đo đạc bản đồ số, lưu trữ thông tin, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ...

#### **4.4.4. Giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, cải tạo và bảo vệ đất**

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ các diện tích đất nông nghiệp còn lại trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt là đất rừng tự nhiên, đất rừng đặc dụng và rừng phòng hộ; tăng cường đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp. Nâng cao hệ số che phủ, phục hồi và phát triển trồng rừng ngập mặn, ven biển và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống quan trắc môi trường, giám sát tài nguyên đất trong các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, khu dịch vụ....; thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu xây dựng

quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại; cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### I. KẾT LUẬN

Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn 2040 đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kết quả của kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn thành phố. Đồng thời là công cụ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật; là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường theo hướng sử dụng đất hiệu quả và bền vững, tạo điều kiện để chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - thương mại, dịch vụ.

### II. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái phát huy hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, thành phố Móng Cái kiến nghị:

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý dứt điểm các trường hợp dự án treo, quy hoạch treo, bỏ hoang, chậm đưa đất vào sử dụng, lấn chiếm đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch. Các đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường công tác giám sát việc tổ chức lập, thẩm định và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương; giám sát quá trình chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; việc sử dụng đất để thực hiện dự án theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng đất đai

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, hỗ trợ Thành phố xây dựng, triển khai thực hiện chính sách cụ thể về phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng, phát triển khu công nghiệp tập trung, thu hút các doanh nghiệp lớn, phát triển sản phẩm chủ lực.

Do điều kiện cơ sở hạ tầng của Thành phố còn yếu kém, nguồn lực đầu tư hạn chế, chưa đáp ứng cho yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Vì vậy để tăng cường thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm đầu tư hơn nữa và chỉ đạo thực hiện các dự án, công trình trọng điểm làm đòn bẩy thúc đẩy kinh tế của Thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái kính đề nghị sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ninh xem xét, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái, để Ủy ban nhân Thành phố có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái./.

**Phụ lục biểu****Hệ thống biểu trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
6	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
7	Biểu 10/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
8	Biểu 10.1/CH	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở năm 2024
9	Biểu 10.2/CH	Chuyển mục đích sang đất ở đối với các thửa đất nông nghiệp không trong cùng thửa đất có nhà ở
10	Biểu 11/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng các khu chức năng của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
11	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh